KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2024-2025

HỘI ĐỒNG THI: TÂY NINH

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
1	030001	LÊ ĐỖ KHÁNH AN	Nữ	18/12/2009	9.00	8.80	7.90	7.90	8.40	7.00	6.25	6.00	0.0	15.99	
2	030002	NGUYỄN LÊ HOÀNG AN	Nữ	05/07/2009	8.60	8.50	8.80	8.50	8.60	5.50	6.00	8.25	0.0	16.41	
3	030003	NGUYỄN TRƯỜNG AN	Nam	15/08/2009	7.30	6.20	7.30	6.90	6.93	4.50	3.75	3.25	0.0	10.13	
4	030004	PHẠM BÌNH AN	Nam	25/02/2009	7.20	7.30	7.10	6.50	7.03	7.00	2.50	5.75	0.0	12.78	
5	030005	PHẠM HOÀNG AN	Nữ	14/04/2009	8.80	8.70	8.80	8.80	8.78	8.50	8.00	8.50	0.0	20.13	
6	030006	PHAN ĐẶNG THANH AN	Nữ	04/08/2009	8.40	8.80	9.00	8.60	8.70	4.50	4.75	5.25	0.0	12.76	
7	030007	PHÙNG NGUYỄN GIA AN	Nữ	15/04/2009	7.80	8.00	7.00	7.20	7.50	5.25	4.75	5.75	0.0	13.28	
8	030008	TẠ GIA AN	Nữ	14/10/2009	5.80	6.60	5.40	6.00	5.95	5.75	3.25	5.50	0.0	11.93	
9	030009	BÙI DUY ANH	Nam	11/11/2009	7.60	6.60	7.70	8.20	7.53	6.50	7.00	7.75	0.0	17.13	
10	030010	DƯƠNG NGỌC ANH	Nữ	07/06/2009	6.10	6.90	7.30	7.10	6.85	5.50	3.50	3.50	0.0	10.80	
11	030011	ĐỖ NGỌC TRÂM ANH	Nữ	29/09/2009	7.00	7.20	6.60	6.50	6.83	2.00	3.75	3.75	0.0	8.70	
12	030012	HỒNG PHONG ANH	Nam	14/06/2009	6.90	7.00	6.40	6.80	6.78	4.25	3.75	4.75	0.0	10.96	
13	030013	HUỲNH LÊ QUỐC ANH	Nam	10/06/2009	7.00	7.30	6.90	6.00	6.80	3.75	3.00	2.25	0.0	8.34	
14	030014	LÊ TUẤN ANH	Nam	26/12/2009	7.00	7.10	6.50	6.10	6.68	2.25	2.50	4.75	0.0	8.65	
15	030015	LÊ VÕ TUẤN ANH	Nam	28/07/2009	8.80	8.60	8.30	8.40	8.53	5.25	6.75	7.00	0.0	15.86	
16	030016	LƯƠNG HUỲNH ANH	Nữ	24/12/2009	7.80	8.10	8.20	8.40	8.13	6.00	6.75	4.25	0.0	14.34	
17	030017	NGUYỄN BẢO KỲ ANH	Nam	26/05/2009	7.70	8.10	7.90	7.90	7.90	5.75	4.00	3.75	0.0	11.82	
18	030018	NGUYỄN ĐÀO HOÀNG ANH	Nam	09/12/2009	6.80	7.80	7.60	8.00	7.55	7.50	6.75	7.75	0.0	17.67	
19	030019	NGUYỄN ĐỖ LAN ANH	Nữ	18/09/2009	8.00	7.70	7.30	7.20	7.55	5.50	4.00	2.50	0.0	10.67	
20	030020	NGUYỄN HỒ NHẬT ANH	Nam	19/01/2009	8.50	8.10	8.30	8.50	8.35	6.50	8.00	8.00	0.0	18.26	
21	030021	NGUYỄN KIỀU MỸ ANH	Nữ	26/10/2009	7.90	8.20	8.10	8.10	8.08	6.50	5.75	3.75	0.0	13.62	
22	030022	NGUYỄN KIM ANH	Nữ	11/10/2009	7.80	7.90	7.60	7.80	7.78	5.50	4.50	5.00	0.0	12.83	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
23	030023	NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH	Nữ	10/12/2009	9.00	8.70	8.90	8.80	8.85	7.00	8.00	9.50	0.0	19.81	
24	030024	NGUYỄN PHẠM HUỲNH ANH	Nữ	09/06/2009	7.40	7.30	7.20	7.60	7.38	6.50	5.00	5.50	0.0	14.11	
25	030025	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	04/11/2009	6.60	6.50	5.90	5.80	6.20	3.00	2.75	3.00	0.0	7.98	
26	030026	PHẠM QUỲNH ANH	Nữ	22/08/2009	7.50	8.00	7.70	7.60	7.70	5.50	4.50	5.00	0.0	12.81	
27	030027	TÔ THỊ HUẾ ANH	Nữ	29/12/2009	7.60	6.80	6.80	7.10	7.08	3.25	7.00	4.50	0.0	12.45	
28	030028	TỐNG THỊ HOÀNG ANH	Nữ	14/09/2009	8.10	7.80	8.10	8.40	8.10	5.25	5.00	5.25	0.0	13.28	
29	030029	TRẦN LÊ PHƯƠNG ANH	Nữ	15/12/2009	8.40	8.40	7.90	7.80	8.13	6.00	5.00	5.50	0.0	13.99	
30	030030	TRẦN THANH VÂN ANH	Nữ	16/06/2009	8.30	8.50	8.10	7.50	8.10	7.25	4.00	8.50	0.0	16.26	
31	030031	VÕ NGỌC TRÂM ANH	Nữ	16/11/2009	7.10	7.10	7.50	7.60	7.33	4.50	6.50	4.25	0.0	12.87	
32	030032	VÕ THỊ HỒNG ANH	Nữ	02/01/2009	7.90	8.20	8.20	8.30	8.15	6.00	5.50	5.50	0.0	14.34	
33	030033	VÕ THỊ TRÂM ANH	Nữ	25/01/2009	8.30	8.10	8.10	7.70	8.05	4.25	4.25	5.25	0.0	12.04	
34	030034	NGÔ NGỌC ÁNH	Nữ	02/06/2009	7.30	6.80	6.40	6.30	6.70	4.25	3.50	4.00	0.0	10.23	
35	030035	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	14/02/2009	7.00	7.80	7.40	7.50	7.43	4.75	4.00	3.25	0.0	10.63	
36	030036	TIÊU NGUYỄN HÙNG ÂN	Nam	10/05/2009	7.40	6.60	6.40	6.40	6.70	4.00	5.50	5.00	0.0	12.16	
37	030037	ĐẶNG LÊ CHÍ BẢO	Nam	10/03/2009	8.80	8.90	8.90	8.50	8.78	7.75	6.75	6.50	0.0	17.33	
38	030038	HỒ PHÚC BẢO	Nam	11/02/2009	6.80	6.60	7.10	6.60	6.78	2.75	5.75	4.00	0.0	10.78	
39	030039	HUỲNH GIA BẢO	Nam	27/01/2009	7.30	7.40	7.40	7.60	7.43	6.75	5.50	5.75	0.0	14.83	
40	030040	HỨA NGỌC BẢO	Nam	01/11/2009	6.80	6.50	6.80	6.70	6.70	4.00	3.25	3.00	0.0	9.18	
41	030041	LÊ GIA BẢO	Nam	16/11/2009	7.90	7.50	6.90	6.70	7.25	5.25	3.75	6.25	0.0	12.85	
42	030042	NGUYỄN LÂM GIA BẢO	Nam	21/07/2009	7.70	6.90	7.30	6.60	7.13	4.00	3.75	2.50	0.0	9.31	
43	030043	NGUYỄN MINH BẢO	Nam	20/10/2009	7.90	7.60	6.70	6.50	7.18	3.50	5.25	3.75	0.0	10.90	
44	030044	NGUYỄN PHẠM MINH BẢO	Nam	04/01/2009	7.40	7.00	6.80	7.00	7.05	6.50	6.00	4.00	0.0	13.67	
45	030045	PHẠM GIA BẢO	Nam	12/02/2009	8.90	8.80	7.40	6.70	7.95	5.00	5.50	3.75	1.0	13.36	
46	030046	PHẠM TRẦN GIA BẢO	Nam	21/10/2009	7.60	7.90	7.70	7.40	7.65	5.75	7.50	8.25	0.0	17.35	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
47	030047	TRẦN QUỐC BẢO	Nam	04/06/2009	7.70	7.70	8.50	8.60	8.13	6.00	6.50	6.75	0.0	15.91	
48	030048	ĐẶNG BĂNG BĂNG	Nữ	10/02/2009	7.60	7.70	7.10	7.70	7.53	6.83	4.25	7.25	0.0	15.09	
49	030049	PHAN NGUYỄN KHÁNH BĂNG	Nữ	09/06/2009	9.00	8.70	8.40	8.40	8.63	6.75	6.50	7.75	0.0	17.29	
50	030050	NGUYỄN THỊ NGỌC BỬU	Nữ	28/03/2009	7.50	7.00	7.10	6.70	7.08	6.25	4.75	2.50	0.0	11.57	
51	030051	PHẠM THỊ HỒNG CẨM	Nữ	24/11/2009	9.10	8.90	9.20	9.00	9.05	4.50	6.50	5.75	0.0	14.44	
52	030052	HUỲNH CHÂU	Nữ	10/08/2009	8.50	8.50	8.70	8.20	8.48	5.75	7.00	9.25	0.0	17.94	
53	030053	LÊ THỊ BẢO CHÂU	Nữ	17/02/2009	8.20	7.60	7.90	7.70	7.85	5.50	5.75	4.00	0.0	13.03	
54	030054	LÝ BẢO CHÂU	Nữ	20/11/2009	7.80	7.60	8.00	6.70	7.53	6.25	5.50	5.00	1.0	14.98	
55	030055	NGUYỄN THỊ LINH CHÂU	Nữ	30/07/2009	8.40	9.00	8.60	8.40	8.60	7.25	5.50	6.50	0.0	16.06	
56	030056	THÁI BẢO CHÂU	Nữ	23/04/2009	7.00	7.30	7.00	7.00	7.08	6.00	4.00	7.25	1.0	15.20	
57	030057	TRẦN BẢO CHÂU	Nam	13/08/2009	7.20	7.80	7.90	7.50	7.60	3.25	5.25	3.50	0.0	10.68	
58	030058	TRẦN NGUYỄN BẢO CHÂU	Nữ	26/07/2009	6.80	6.70	6.90	7.30	6.93	4.50	4.50	7.00	0.0	13.28	
59	030059	HOÀNG MINH CHIẾN	Nam	07/02/2009	7.60	7.60	6.70	6.70	7.15	4.50	3.25	2.75	0.0	9.50	
60	030060	TRƯƠNG NGUYÊN CHƯƠNG	Nam	06/11/2009	7.20	7.00	7.10	6.70	7.00	4.75	3.75	4.00	0.0	10.85	
61	030061	A SI DÁH	Nữ	25/05/2009	8.50	8.80	8.90	8.80	8.75	8.00	7.75	7.50	1.0	19.90	
62	030062	NGÔ LÊ QUỐC DANH	Nam	13/09/2009	8.20	8.20	8.20	8.40	8.25	5.00	7.75	7.25	0.0	16.48	
63	030063	PHAN THANH DANH	Nam	20/08/2009	6.60	7.50	7.20	7.00	7.08	5.00	5.50	2.75	0.0	11.40	
64	030064	TRẦN NHỰT DÂN	Nam	02/12/2009	6.20	6.20	6.00	5.60	6.00	1.25	1.00	2.00	0.0	4.78	
65	030065	HOÀNG TRẦN NGỌC DIỆP	Nữ	24/04/2009	8.60	8.00	7.70	8.20	8.13	6.75	5.75	7.00	0.0	16.09	
66	030066	NGUYỄN MỘNG HUYỀN DIỆU	Nữ	24/12/2009	8.50	8.90	8.30	7.90	8.40	7.00	5.00	5.00	0.0	14.42	
67	030067	NGÔ NGỌC DUNG	Nữ	01/10/2009	8.50	9.10	8.60	8.30	8.63	6.75	4.50	7.75	0.0	15.89	
68	030068	HỒ ANH DŨNG	Nam	16/12/2009	7.30	7.50	7.40	7.80	7.50	4.75	4.25	4.50	0.0	11.70	
69	030069	LÊ MINH TRÍ DŨNG	Nam	22/03/2009	7.40	7.20	6.40	6.50	6.88	4.25	4.00	2.75	0.0	9.76	
70	030070	MAI CHÍ DŨNG	Nam	01/08/2009	6.80	7.40	7.10	6.90	7.05	6.00	6.00	7.50	0.0	15.77	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
71	030071	LÊ VÕ BẢO DUY	Nam	17/08/2009	7.50	7.80	7.60	7.70	7.65	6.75	5.75	6.50	0.0	15.60	
72	030072	NGUYỄN HÙNG DUY	Nam	05/05/2009	6.60	6.40	6.60	6.30	6.48	5.50	4.00	4.00	0.0	11.39	
73	030073	NGUYỄN HÙNG DUY	Nam	23/03/2009	6.00	5.60	5.30	6.40	5.83	3.75	4.50	4.25	0.0	10.50	
74	030074	NGUYỄN MINH THANH DUY	Nam	27/12/2009	8.30	8.10	8.10	8.60	8.28	6.50	7.50	6.50	0.0	16.83	
75	030075	NGUYỄN THANH DUY	Nam	08/02/2009	6.90	6.50	6.90	6.90	6.80	3.00	5.00	3.75	0.0	10.27	
76	030076	NGUYỄN THANH DUY	Nam	24/04/2009	6.80	6.40	7.10	6.60	6.73	6.50	3.75	2.50	0.0	10.94	
77	030077	NGUYỄN TIÊU NHỰT DUY	Nam	09/02/2009	5.50	5.50	5.40	5.70	5.53	2.50	2.50	3.25	0.0	7.43	
78	030078	NGUYỄN DUY	Nam	22/03/2009	8.40	7.70	8.20	7.50	7.95	4.00	5.25	4.00	0.0	11.66	
79	030079	PHẠM VÕ KHANG DUY	Nam	18/09/2009	8.30	7.80	8.10	8.20	8.10	4.75	7.25	6.00	0.0	15.03	
80	030080	TRẦN QUỐC DUY	Nam	25/02/2009	7.90	7.20	7.70	7.70	7.63	4.50	6.25	8.00	0.0	15.41	
81	030081	VÕ THANH DUY	Nam	05/11/2009	8.30	8.80	8.10	8.00	8.30	4.25	6.50	6.50	0.0	14.57	
82	030082	ĐỖ ĐẶNG MỸ DUYÊN	Nữ	19/12/2009	8.30	8.10	8.00	7.70	8.03	6.75	5.75	5.50	0.0	15.01	
83	030083	HỒ THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	17/03/2009	8.40	8.80	8.50	8.30	8.50	7.25	6.00	5.25	0.0	15.50	
84	030084	HUỲNH HẢI DUYÊN	Nữ	27/07/2009	6.70	6.50	7.00	6.30	6.63	3.00	5.00	2.00	0.0	8.99	
85	030085	PHẠM THỊ NGỌC DUYÊN	Nữ	07/06/2009	8.10	8.00	8.00	7.60	7.93	6.50	4.75	3.75	0.0	12.88	
86	030086	VÕ THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	04/09/2009	7.60	7.60	7.30	7.40	7.48	4.50	5.25	3.00	0.0	11.17	
87	030087	BÙI PHƯỚC DƯƠNG	Nam	03/07/2009	7.30	7.50	6.30	6.90	7.00	4.25	4.50	2.75	0.0	10.15	
88	030088	LA THÙY DƯƠNG	Nữ	11/02/2009	7.30	7.30	7.20	6.70	7.13	3.00	2.00	3.25	0.0	7.91	
89	030089	TRẦN THỊ TIỀN DƯƠNG	Nữ	09/06/2009	6.40	8.10	7.20	7.40	7.28	5.25	6.00	4.75	0.0	13.38	
90	030090	VÕ TRƯƠNG ANH ĐÀO	Nữ	30/12/2009	8.60	8.70	8.50	9.00	8.70	8.25	8.00	6.25	0.0	18.36	
91	030091	BÙI TẤN ĐẠT	Nam	03/09/2009	8.10	7.50	7.10	6.80	7.38	4.75	6.50	3.50	0.0	12.54	
92	030092	CHÂU THÀNH ĐẠT	Nam	05/06/2009	7.50	8.10	8.60	8.80	8.25	6.50	7.50	8.25	0.0	18.05	
93	030093	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	Nam	05/02/2009	7.50	6.30	6.30	6.80	6.73	4.50	4.75	2.50	0.0	10.24	
94	030094	HUỲNH TIẾN ĐẠT	Nam	26/06/2009	8.60	8.30	8.50	8.30	8.43	7.25	7.00	5.75	0.0	16.53	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
95	030095	HUỲNH TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	24/08/2009	7.70	7.80	7.80	7.20	7.63	5.00	5.00	5.75	0.0	13.31	
96	030096	NGUYỄN PHÁT ĐẠT	Nam	17/01/2009	7.90	7.70	7.10	7.20	7.48	3.25	3.25	3.75	0.0	9.42	
97	030097	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Nam	21/10/2009	7.40	8.50	8.00	7.30	7.80	4.50	8.00	4.00	0.0	13.89	
98	030098	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	21/03/2009	8.70	8.50	8.60	8.70	8.63	6.25	8.50	9.25	0.0	19.39	
99	030099	TRẦN THANH ĐẠT	Nam	24/09/2009	8.30	8.50	8.30	8.10	8.30	7.75	5.50	6.00	0.0	15.97	
100	030100	TRẦN VĂN ĐẠT	Nam	24/10/2009	5.60	5.00	5.10	6.00	5.43	4.25	3.50	3.50	0.0	9.50	
101	030101	TRƯƠNG QUỐC ĐẠT	Nam	19/07/2009	7.90	8.20	8.00	7.90	8.00	4.25	5.50	4.50	0.0	12.38	
102	030102	VÕ TẤN ĐẠT	Nam	23/01/2009	6.30	7.50	7.70	8.20	7.43	6.75	6.50	5.25	0.0	15.18	
103	030103	VÕ THÀNH ĐẠT	Nam	06/04/2009	5.60	5.60	5.70	5.80	5.68	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	1.70	Liệt
104	030104	VÕ VĂN THÀNH ĐẠT	Nam	22/01/2009	8.20	7.90	8.00	8.20	8.08	5.75	6.75	7.25	0.0	16.25	
105	030105	HÀ HẢI ĐĂNG	Nam	20/04/2009	7.40	7.70	7.70	6.70	7.38	4.25	3.25	4.75	0.0	10.79	
106	030106	NGÔ HẢI ĐĂNG	Nam	09/05/2009	8.30	8.00	8.10	7.70	8.03	4.50	4.50	4.75	0.0	12.03	
107	030107	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	27/03/2009	9.40	9.10	9.20	9.00	9.18	8.00	7.75	9.00	0.0	20.08	
108	030108	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	Nam	20/04/2009	8.00	7.70	7.20	7.40	7.58	5.00	6.75	4.75	0.0	13.82	
109	030109	PHAN HẢI ĐĂNG	Nam	31/01/2009	7.10	7.60	6.00	6.40	6.78	5.25	4.50	4.75	0.0	12.18	
110	030110	PHÙNG HẢI ĐĂNG	Nam	11/07/2009	7.90	8.50	8.40	7.90	8.18	4.50	4.25	6.50	0.0	13.13	
111	030111	QUANG NGỌC ĐIỀN	Nữ	31/03/2009	7.70	8.50	7.50	6.90	7.65	3.25	1.50	2.25	1.0	8.20	
112	030112	LÂM NGỌC ĐỊNH	Nam	09/07/2009	7.50	7.90	7.80	7.70	7.73	5.00	7.00	4.25	0.0	13.69	
113	030113	NGUYỄN QUỐC ĐỊNH	Nam	16/10/2009	6.60	7.20	6.80	6.40	6.75	5.50	2.75	4.50	0.0	10.95	
114	030114	PHAN VĂN ĐỘ	Nam	14/09/2009	7.70	7.30	8.10	8.60	7.93	5.75	6.50	4.75	0.0	14.28	
115	030115	TRẦN VĂN ĐÔNG	Nam	12/02/2009	8.10	8.30	8.10	8.40	8.23	5.75	7.50	7.50	0.0	16.99	
116	030116	DƯƠNG NGỌC ĐỨC	Nam	28/07/2009	6.50	7.50	6.30	6.70	6.75	3.50	4.00	3.00	0.0	9.38	
117	030117	HUỲNH THANH ĐƯỢC	Nam	13/07/2009	7.90	7.80	7.70	7.30	7.68	7.25	5.00	4.00	0.0	13.68	
118	030118	PHẠM TỶ EM	Nam	11/04/2009	5.80	6.20	6.40	6.50	6.23	4.25	2.75	2.75	0.0	8.69	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
119	030119	ĐINH TRẦN LINH GIANG	Nữ	06/01/2009	7.90	8.30	7.90	7.70	7.95	4.00	5.00	5.75	0.0	12.71	
120	030120	PHAN HƯƠNG GIANG	Nữ	16/08/2009	8.00	8.30	8.60	8.60	8.38	6.25	6.75	7.50	0.0	16.86	
121	030121	LÊ BÍCH GIAO	Nữ	08/03/2009	8.50	8.50	8.30	8.00	8.33	5.25	5.75	4.25	0.0	13.17	
122	030122	TRẦN NGỌC GIÀU	Nữ	22/04/2009	7.70	7.70	6.90	6.50	7.20	5.75	4.25	3.00	0.0	11.26	
123	030123	NGUYỄN THANH ANH GIỎI	Nam	23/02/2009	8.20	8.10	8.30	8.20	8.20	6.00	7.00	7.25	0.0	16.63	
124	030124	HỒ NGỌC HÀ	Nữ	20/05/2009	7.80	7.40	8.30	8.20	7.93	6.00	5.75	7.50	0.0	15.85	
125	030125	NGUYỄN NGỌC HÀ	Nữ	05/10/2009	8.90	9.40	8.90	8.90	9.03	8.00	6.50	8.50	0.0	18.81	
126	030126	TRẦN NGỌC HÀ	Nữ	30/06/2009	6.50	6.70	7.20	7.30	6.93	3.25	3.75	3.75	0.0	9.60	
127	030127	VÕ THU HÀ	Nữ	01/03/2009	7.70	8.20	7.80	8.10	7.95	5.50	6.25	4.25	0.0	13.58	
128	030128	PHẠM QUANG HẢI	Nam	19/10/2009	7.70	7.50	6.90	7.10	7.30	5.50	3.50	8.00	0.0	14.09	
129	030129	TRẦN MINH HẢI	Nam	18/06/2009	6.50	7.00	6.80	6.80	6.78	3.00	3.50	2.50	0.0	8.33	
130	030130	CAO NGUYỄN NHẬT HÀO	Nam	27/11/2009	7.00	7.30	6.60	6.90	6.95	5.25	4.00	3.00	0.0	10.66	
131	030131	HUỲNH KIẾN HÀO	Nam	22/07/2009	6.60	6.90	6.00	6.30	6.45	6.75	3.00	5.00	0.0	12.26	
132	030132	NGUYỄN MẠNH HÀO	Nam	08/01/2009	7.30	7.50	7.60	7.10	7.38	4.00	3.75	7.25	0.0	12.71	
133	030133	NGUYỄN THANH HÀO	Nam	05/04/2009	7.70	7.80	7.40	7.30	7.55	4.00	7.00	4.00	0.0	12.77	
134	030134	PHẠM HUỲNH GIA HÀO	Nam	24/01/2009	9.10	8.90	8.40	8.50	8.73	8.00	7.00	9.25	0.0	19.59	
135	030135	LÊ THÀNH HẠO	Nam	28/11/2009	8.50	8.10	8.60	8.90	8.53	6.25	6.00	8.75	0.0	17.26	
136	030136	TRẦN VĂN HẠO	Nam	26/10/2009	7.80	7.90	7.80	8.20	7.93	7.00	6.50	7.00	0.0	16.73	
137	030137	BÙI THỊ MINH HẰNG	Nữ	10/10/2009	8.00	7.60	7.90	7.60	7.78	3.75	7.75	4.50	0.0	13.53	
138	030138	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	Nữ	27/03/2009	8.40	8.40	7.90	7.40	8.03	6.75	5.25	5.75	0.0	14.83	
139	030139	TRẦN THỊ THU HẰNG	Nữ	15/05/2009	7.50	7.70	8.00	7.90	7.78	6.25	6.00	5.00	0.0	14.41	
140	030140	ĐOÀN THỊ NGỌC HÂN	Nữ	24/06/2008	8.10	8.20	8.10	7.20	7.90	4.00	3.00	2.75	0.0	9.20	
141	030141	LÂM GIA HÂN	Nữ	18/08/2009	8.00	8.00	8.70	8.80	8.38	7.00	5.25	7.75	0.0	16.51	
142	030142	LÂM GIA HÂN	Nữ	28/08/2009	7.40	8.30	8.10	7.00	7.70	5.50	3.25	5.25	0.0	12.11	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
143	030143	LÊ NGÔ GIA HÂN	Nữ	27/10/2009	6.50	5.50	6.10	6.10	6.05	5.00	4.00	2.25	0.0	9.69	
144	030144	LƯƠNG NGỌC HÂN	Nữ	30/11/2009	7.00	6.70	7.50	7.80	7.25	5.50	4.00	4.50	0.0	11.98	
145	030145	MẠCH BẢO HÂN	Nữ	16/11/2009	7.30	7.60	7.00	7.30	7.30	4.25	3.50	2.75	1.0	10.54	
146	030146	NGÔ HUỲNH KIM HÂN	Nữ	16/06/2009	6.70	7.00	6.80	5.90	6.60	1.00	1.00	4.75	0.0	6.70	
147	030147	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	Nữ	09/04/2009	7.60	7.90	7.60	7.10	7.55	5.75	3.00	2.75	0.0	10.32	
148	030148	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	15/06/2009	7.50	7.90	8.20	7.80	7.85	6.00	4.75	3.25	0.0	12.15	
149	030149	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	15/08/2009	7.60	7.90	6.60	6.80	7.23	6.17	3.75	2.50	0.0	10.86	
150	030150	NGUYỄN TRẦN BẢO HÂN	Nữ	19/02/2009	7.90	8.20	7.30	7.50	7.73	6.75	6.25	5.75	0.0	15.44	
151	030151	PHẠM ĐÀO BẢO HÂN	Nữ	19/03/2009	7.70	7.90	7.80	7.80	7.80	5.50	5.00	5.00	0.0	13.19	
152	030152	PHẠM GIA HÂN	Nữ	05/07/2009	7.10	7.50	6.50	6.70	6.95	6.67	3.00	5.75	0.0	12.88	
153	030153	TRẦM THỊ NGỌC HÂN	Nữ	25/01/2009	8.40	7.60	8.30	8.00	8.08	5.00	6.25	4.75	0.0	13.62	
154	030154	TRẦN CHÂU GIA HÂN	Nữ	17/02/2009	8.90	8.70	8.50	8.20	8.58	8.00	5.50	4.75	0.0	15.35	
155	030155	VÕ THỊ BẢO HÂN	Nữ	24/06/2009	7.90	8.60	8.10	7.70	8.08	4.50	6.00	4.25	0.0	12.75	
156	030156	ZHANG GIA HÂN	Nữ	06/09/2009	8.20	8.30	8.00	8.40	8.23	5.75	5.75	4.75	0.0	13.84	
157	030157	LÊ THANH HẬU	Nam	28/03/2009	6.60	6.80	7.10	6.60	6.78	3.00	2.75	4.00	0.0	8.86	
158	030158	NGUYỄN PHAN TRUNG HẬU	Nam	01/03/2008	6.30	5.80	6.30	6.60	6.25	2.75	3.25	2.25	0.0	7.65	
159	030159	NGUYỄN PHÚC HẬU	Nam	17/11/2009	8.70	8.00	8.70	8.80	8.55	6.00	5.50	4.25	0.0	13.59	
160	030160	PHẠM CÔNG HẬU	Nam	04/07/2009	6.90	7.10	7.60	7.30	7.23	4.25	3.00	2.25	0.0	8.82	
161	030161	TRẦN NGUYỄN PHÚC HẬU	Nam	21/01/2009	7.90	8.10	7.70	7.90	7.90	5.75	4.75	5.25	0.0	13.40	
162	030162	HUỲNH NGUYỄN MINH HIẾN	Nam	25/11/2009	7.60	8.30	7.00	8.00	7.73	6.25	3.75	9.25	0.0	15.79	
163	030163	NGUYỄN THÚY HIỀN	Nữ	26/03/2009	9.00	8.70	8.20	7.60	8.38	4.50	4.25	6.75	0.0	13.36	
164	030164	TRỊNH GIA HIỂN	Nam	11/04/2009	6.00	5.80	5.90	6.80	6.13	3.50	3.50	2.00	0.0	8.14	
165	030165	BIỆN LIÊU MINH HIẾU	Nam	22/07/2009	8.50	8.20	8.30	8.20	8.30	6.50	6.00	3.00	1.0	14.34	
166	030166	HUỲNH TRUNG HIẾU	Nam	03/04/2009	8.40	8.30	8.40	8.20	8.33	5.00	7.50	7.25	0.0	16.32	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
167	030167	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	04/01/2009	8.40	8.40	7.90	8.10	8.20	7.25	6.75	6.50	0.0	16.81	
168	030168	NGUYỄN NGỌC HIẾU	Nữ	03/10/2009	8.10	8.40	7.90	7.40	7.95	4.75	5.25	3.75	0.0	12.01	
169	030169	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	02/04/2009	7.60	7.80	7.60	7.20	7.55	2.00	3.50	3.00	0.0	8.22	
170	030170	TRẦN VĂN HIẾU	Nam	13/08/2009	8.90	8.50	8.20	7.90	8.38	4.50	5.75	6.00	0.0	13.89	
171	030171	NGUYỄN THỊ THÚY HOA	Nữ	29/09/2009	7.30	8.40	7.40	7.50	7.65	7.50	2.75	5.00	0.0	12.97	
172	030172	NGUYỄN TÂM HÒA	Nữ	23/02/2009	7.80	7.40	7.40	6.90	7.38	4.75	3.25	4.00	0.0	10.61	
173	030173	LÊ HUY HOÀNG	Nam	28/07/2009	8.30	8.60	8.40	8.10	8.35	7.00	8.00	6.00	0.0	17.21	
174	030174	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	16/05/2009	6.50	6.90	7.20	7.70	7.08	6.50	5.00	5.00	0.0	13.67	
175	030175	PHAN NGUYỄN NHỰT HOÀNG	Nam	07/06/2009	5.80	7.60	7.20	7.80	7.10	7.00	4.75	6.25	0.0	14.73	
176	030176	LÊ DIỄM HỒNG	Nữ	07/02/2009	8.60	9.00	8.50	8.40	8.63	5.75	5.75	6.00	0.0	14.84	
177	030177	LÊ THANH HỒNG	Nam	22/09/2009	6.70	6.90	7.00	7.10	6.93	6.00	3.25	2.25	0.0	10.13	
178	030178	VŨ THỊ KIM HUỆ	Nữ	01/04/2009	7.80	8.10	7.90	7.50	7.83	5.50	4.50	5.75	0.0	13.37	
179	030179	HOA ANH HÙNG	Nam	28/09/2009	7.40	7.40	7.50	6.90	7.30	4.00	3.50	3.00	0.0	9.54	
180	030180	LÊ MINH HÙNG	Nam	16/03/2009	7.20	7.20	7.00	7.00	7.10	4.75	3.75	3.25	0.0	10.35	
181	030181	NGUYỄN DUY HÙNG	Nam	29/04/2009	8.60	8.10	8.00	8.50	8.30	6.75	4.75	3.00	0.0	12.64	
182	030182	PHAN NGUYỄN PHI HÙNG	Nam	12/11/2009	5.60	6.00	6.80	7.50	6.48	6.50	4.25	4.75	0.0	12.79	
183	030183	ĐẶNG THANH HUY	Nam	04/12/2009	8.40	8.00	8.10	7.70	8.05	3.75	7.50	5.75	0.0	14.32	
184	030184	ĐỖ MINH HUY	Nam	13/08/2008	6.70	6.50	6.10	5.50	6.20	1.25	2.50	1.50	0.0	5.53	
185	030185	LÊ CHẤN HUY	Nam	27/08/2009	7.30	6.70	6.20	6.20	6.60	4.42	4.25	2.00	0.0	9.45	
186	030186	LÊ QUỐC HUY	Nam	03/02/2009	8.50	9.00	8.90	8.50	8.73	6.00	7.00	8.00	0.0	17.32	
187	030187	LÊ QUỐC HUY	Nam	11/10/2009	6.70	7.10	7.20	7.10	7.03	3.75	4.00	4.00	0.0	10.33	
188	030188	MAI THANH HUY	Nam	10/08/2009	7.40	6.90	6.90	6.80	7.00	5.75	6.25	2.75	0.0	12.42	
189	030189	NGUYỄN HOÀNG HUY	Nam	10/07/2009	7.50	7.60	7.20	7.50	7.45	2.75	4.75	1.75	0.0	8.71	
190	030190	NGUYỄN MINH HUY	Nam	30/01/2009	6.90	7.60	7.90	8.10	7.63	5.83	6.25	5.75	0.0	14.77	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
191	030191	NGUYỄN NHẬT HUY	Nam	20/04/2009	8.00	7.70	7.50	7.90	7.78	5.00	7.50	7.25	0.0	16.16	
192	030192	NGUYỄN TRẦN TUẤN HUY	Nam	10/09/2009	8.10	8.40	8.30	8.20	8.25	6.25	7.00	7.00	0.0	16.65	
193	030193	NGUYỄN TUYỂN HUY	Nam	02/12/2008	6.30	6.40	6.00	5.60	6.08	1.00	4.25	3.00	0.0	7.60	
194	030194	PHẠM HUỲNH MINH HUY	Nam	08/12/2009	8.10	7.00	7.60	8.10	7.70	4.00	7.25	6.50	0.0	14.73	
195	030195	PHẠM NGÔ GIA HUY	Nam	27/07/2009	7.40	8.00	7.80	8.40	7.90	4.75	6.25	4.50	0.0	13.22	
196	030196	TRẦN ĐỨC HUY	Nam	10/06/2009	8.30	8.60	8.20	8.20	8.33	5.25	6.75	6.50	0.0	15.45	
197	030197	TRẦN NHẬT HUY	Nam	22/05/2009	9.20	9.30	9.30	9.40	9.30	8.75	7.50	9.25	0.0	20.64	
198	030198	BÙI NGỌC HUYỀN	Nữ	22/10/2009	7.80	7.40	8.20	8.30	7.93	5.00	6.25	6.50	0.0	14.80	
199	030199	ĐỖ VÕ NHƯ HUỲNH	Nữ	19/08/2009	8.80	8.60	9.20	8.90	8.88	6.50	7.00	9.75	0.0	18.94	
200	030200	LÊ THỊ TRÚC HUỲNH	Nữ	14/01/2009	7.30	7.00	6.50	7.20	7.00	6.00	3.75	6.75	0.0	13.65	
201	030201	MÃ THỊ NHƯ HUỲNH	Nữ	16/11/2009	7.90	7.70	8.50	7.70	7.95	3.50	4.75	5.25	0.0	11.83	
202	030202	NGUYỄN THỊ NGỌC HUỲNH	Nữ	31/10/2009	6.40	7.20	6.90	6.90	6.85	4.25	3.75	4.25	0.0	10.63	
203	030203	NGUYỄN ĐẶNG GIA HƯNG	Nam	01/02/2009	7.70	7.40	7.30	6.90	7.33	5.00	4.00	4.50	0.0	11.65	
204	030204	ĐẶNG THỊ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	21/12/2009	7.20	7.30	7.60	7.70	7.45	5.50	6.00	4.75	0.0	13.61	
205	030205	LỮ HỒ XUÂN HƯƠNG	Nữ	19/01/2009	7.40	7.60	8.00	7.40	7.60	5.50	4.75	3.75	0.0	12.08	
206	030206	TRẦN THANH HƯƠNG	Nữ	16/11/2009	6.70	6.90	7.30	6.70	6.90	4.75	2.25	3.50	0.0	9.42	
207	030207	TRẦN THỊ THÙY HƯƠNG	Nữ	19/07/2009	8.00	8.50	8.10	8.00	8.15	5.75	4.00	3.25	0.0	11.54	
208	030208	UÔNG MINH HY	Nam	31/12/2007	8.30	8.50	8.70	8.30	8.45	7.25	6.00	5.25	1.0	16.48	
209	030209	BÙI LÊ GIA KHANG	Nam	23/10/2009	7.40	7.00	7.10	7.30	7.20	5.25	5.00	3.25	0.0	11.61	
210	030210	CHÂU CHÍ KHANG	Nam	17/10/2009	5.90	6.50	6.00	5.80	6.05	3.25	3.00	2.75	0.0	8.12	
211	030211	HOÀNG ANH KHANG	Nam	14/02/2009	9.00	8.30	8.20	8.30	8.45	5.00	6.00	8.00	0.0	15.83	
212	030212	HUỲNH KẾ KHANG	Nam	07/10/2009	8.40	8.80	8.40	8.30	8.48	5.75	6.75	8.50	0.0	17.24	
213	030213	LÊ HUY KHANG	Nam	11/11/2009	6.70	7.00	7.20	7.00	6.98	4.50	5.00	2.75	0.0	10.67	
214	030214	LÊ VĨNH KHANG	Nam	28/07/2009	6.70	7.40	5.70	6.30	6.53	3.50	4.00	4.25	0.0	10.18	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
215	030215	LÝ NGUYÊN KHANG	Nam	29/05/2009	7.80	8.10	8.20	8.80	8.23	4.75	6.50	5.50	0.0	14.19	
216	030216	NGUYỄN DUY KHANG	Nam	16/01/2009	7.40	7.00	6.20	6.20	6.70	3.25	2.50	3.75	0.0	8.66	
217	030217	NGUYỄN DUY KHANG	Nam	28/12/2009	7.10	7.10	6.80	7.40	7.10	5.50	3.50	2.50	0.0	10.18	
218	030218	NGUYỄN HOÀNG KHANG	Nam	14/07/2009	7.00	7.60	7.80	7.60	7.50	6.25	4.25	3.75	0.0	12.22	
219	030219	NGUYỄN LÊ TUẤN KHANG	Nam	24/10/2009	6.70	7.00	7.10	7.10	6.98	4.50	2.50	2.25	0.0	8.57	
220	030220	NGUYỄN MINH KHANG	Nam	20/06/2009	8.30	8.40	8.00	7.70	8.10	4.25	5.75	8.50	0.0	15.38	
221	030221	NGUYỄN NHỰT KHANG	Nam	30/09/2009	7.30	6.70	6.90	6.10	6.75	3.00	4.00	3.00	0.0	9.02	
222	030222	NGUYỄN THÁI KHANG	Nam	08/03/2009	7.50	7.70	7.70	7.40	7.58	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	2.27	Liệt
223	030223	NGUYỄN THÁI KHANG	Nam	14/08/2009	6.90	6.30	6.60	7.20	6.75	6.25	4.75	2.25	0.0	11.30	
224	030224	NGUYỄN TUẤN KHANG	Nam	06/05/2009	5.60	7.10	5.80	5.80	6.08	4.00	0.25	2.50	0.0	6.55	Liệt
225	030225	NGUYỄN TUẤN KHANG	Nam	13/08/2009	7.50	7.80	7.60	8.10	7.75	4.00	6.00	5.25	0.0	13.00	
226	030226	TRẦN NGUYỄN PHÚC KHANG	Nam	05/06/2009	6.30	6.10	6.80	6.00	6.30	2.00	0.00	3.00	0.0	5.39	Liệt
227	030227	TRẦN VỸ KHANG	Nam	16/08/2009	8.10	8.90	8.10	7.80	8.23	4.25	4.50	7.00	0.0	13.49	
228	030228	TRỊNH LÊ KHANG	Nam	22/04/2009	8.40	8.40	8.70	7.20	8.18	5.83	7.50	9.25	0.0	18.26	
229	030229	VŨ HỮU LÊ KHANG	Nam	03/01/2009	5.90	6.90	6.30	5.90	6.25	3.00	4.00	2.75	0.0	8.70	
230	030230	VƯƠNG THẾ KHANG	Nam	27/06/2009	8.30	8.10	8.90	8.80	8.53	7.00	6.50	7.50	0.0	17.26	
231	030231	NGUYỄN VĂN KHÁNH	Nam	02/09/2009	7.80	7.40	7.80	7.70	7.68	4.00	6.75	6.50	0.0	14.38	
232	030232	PHẠM NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Nam	02/09/2009	8.20	8.40	8.30	8.40	8.33	6.00	7.25	8.75	0.0	17.90	
233	030233	PHAN THỊ HỒNG KHÁNH	Nữ	22/09/2009	7.40	7.20	7.70	7.00	7.33	4.75	3.50	3.00	0.0	10.07	
234	030234	TRÀ GIA KHIÊM	Nam	09/08/2009	8.40	7.90	6.40	7.80	7.63	6.50	5.75	5.75	0.0	14.89	
235	030235	BÙI TRƯƠNG ĐĂNG KHOA	Nam	18/04/2009	7.70	7.60	6.60	7.90	7.45	6.25	4.75	5.75	0.0	13.96	
236	030236	ĐẶNG VƯƠNG ANH KHOA	Nam	09/10/2009	6.60	7.20	6.80	6.60	6.80	3.50	4.25	4.75	0.0	10.79	
237	030237	HUỲNH ANH KHOA	Nam	01/02/2009	7.40	7.80	6.70	6.70	7.15	5.00	4.00	3.75	0.0	11.07	
238	030238	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	16/09/2009	6.70	6.80	6.60	7.10	6.80	5.50	3.25	4.00	0.0	10.97	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
239	030239	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	Nam	12/03/2009	8.10	8.30	7.40	7.40	7.80	6.00	5.50	2.75	0.0	12.32	
240	030240	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	Nam	25/06/2009	8.40	8.60	8.10	7.70	8.20	6.25	5.00	7.50	0.0	15.58	
241	030241	NGUYỄN QUỐC NGUYÊN KHÔI	Nam	31/03/2009	7.90	7.40	7.00	7.80	7.53	6.00	6.50	6.00	0.0	15.21	
242	030242	LÊ TRẦN TUẤN KIỆT	Nam	21/12/2009	7.60	8.00	7.80	8.30	7.93	5.50	6.00	3.75	0.0	13.05	
243	030243	LÝ ANH KIỆT	Nam	26/08/2009	8.70	8.80	8.60	8.30	8.60	6.75	6.25	8.00	0.0	17.28	
244	030244	TRẦN GIA KIỆT	Nam	10/12/2009	5.70	6.00	6.90	7.90	6.63	5.00	5.00	5.25	0.0	12.66	
245	030245	NGUYỄN MAI KIỀU	Nữ	16/09/2009	8.70	8.10	8.00	7.90	8.18	7.50	6.50	7.50	0.0	17.50	
246	030246	NGUYỄN THỊ DIỄM KIỀU	Nữ	02/01/2009	8.50	8.50	8.50	8.70	8.55	6.00	7.00	3.75	0.0	14.29	
247	030247	NGUYỄN THỊ MỸ KIỀU	Nữ	11/04/2009	7.20	6.80	7.00	6.90	6.98	4.25	4.00	3.50	0.0	10.32	
248	030248	TRỊNH THỊ THÚY KIỀU	Nữ	01/02/2009	8.10	8.00	7.90	7.80	7.95	6.25	5.00	3.25	0.0	12.53	
249	030249	MAI MỸ KIM	Nữ	06/01/2009	8.50	8.40	8.30	8.60	8.45	6.00	6.00	7.00	0.0	15.83	
250	030250	LÊ HOÀNG THƯ KỲ	Nữ	08/11/2009	8.00	7.80	7.80	7.80	7.85	3.50	5.00	5.00	0.0	11.80	
251	030251	CHÂU THỊ TRÚC LAM	Nữ	01/03/2009	8.00	8.50	8.70	8.80	8.50	7.50	7.75	5.75	0.0	17.25	
252	030252	ĐỖ NHẬT LAM	Nam	09/04/2009	7.70	7.40	7.80	7.10	7.50	3.75	4.50	3.00	0.0	10.12	
253	030253	NGUYỄN ĐỖ TRÚC LAM	Nữ	04/02/2009	8.70	8.90	8.50	8.50	8.65	8.25	5.00	7.75	0.0	17.29	
254	030254	TRẦN THỊ NHẬT LAM	Nữ	06/04/2009	7.30	7.70	7.80	7.60	7.60	4.00	5.00	4.75	0.0	11.90	
255	030255	VÕ THỊ HUỲNH LAM	Nữ	03/09/2009	6.70	7.10	6.50	6.80	6.78	2.50	2.00	2.00	0.0	6.58	
256	030256	LÊ THANH LÂM	Nam	25/08/2009	8.30	8.00	8.10	8.30	8.18	5.00	7.00	5.75	0.0	14.88	
257	030257	NGUYỄN PHÚ LÂM	Nam	15/09/2009	7.60	8.60	7.80	8.10	8.03	6.25	7.25	6.25	0.0	16.23	
258	030258	TRƯƠNG HOÀNG LÂM	Nam	26/10/2009	8.60	8.80	8.30	8.60	8.58	8.75	6.25	6.25	0.0	17.45	
259	030259	VÕ THANH LIÊM	Nam	14/06/2009	6.80	7.00	7.20	7.40	7.10	5.50	3.25	2.00	0.0	9.65	
260	030260	NGUYỄN THỊ THÚY LIỄU	Nữ	31/10/2009	8.10	8.10	8.10	8.10	8.10	6.00	5.75	4.75	0.0	13.98	
261	030261	TRẦN NGỌC BÍCH LIỄU	Nữ	23/10/2009	8.50	8.90	9.00	9.00	8.85	6.75	8.00	7.75	0.0	18.41	
262	030262	BÙI THỊ MỸ LINH	Nữ	15/12/2009	5.90	5.80	6.20	6.20	6.03	5.00	4.00	3.00	0.0	10.21	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
263	030263	NGUYỄN HOÀNG TRÚC LINH	Nữ	09/09/2009	8.40	8.60	8.80	8.80	8.65	7.00	7.25	8.25	0.0	18.34	
264	030264	TRẦN THỊ MỸ LINH	Nữ	17/12/2009	7.80	8.00	7.50	7.40	7.68	2.75	4.00	3.00	0.0	9.13	
265	030265	PHAN THỊ THU LOAN	Nữ	28/03/2009	8.10	8.70	8.80	8.80	8.60	6.00	5.25	4.25	0.0	13.43	
266	030266	HUỲNH TẤN LONG	Nam	10/11/2009	8.60	8.40	8.30	8.20	8.38	6.83	6.50	6.25	0.0	16.22	
267	030267	VÕ VĂN LONG	Nam	29/06/2009	8.00	8.50	8.30	8.00	8.20	7.25	5.50	4.25	0.0	14.36	
268	030268	NGUYỄN HUỲNH TẤN LỘC	Nam	24/04/2009	5.20	5.50	5.60	5.10	5.35	2.50	1.00	3.75	0.0	6.68	
269	030269	NGUYỄN PHÚC LỘC	Nam	09/08/2009	8.60	8.00	7.80	7.90	8.08	5.00	6.75	6.75	0.0	15.37	
270	030270	TĂNG BẢO LỘC	Nam	27/04/2009	7.50	7.90	7.10	7.20	7.43	4.50	4.00	5.75	1.0	13.20	
271	030271	TRẦN ĐẶNG PHÚC LỘC	Nữ	15/05/2009	8.00	7.90	8.10	8.30	8.08	5.25	6.25	6.75	1.0	16.20	
272	030272	TRẦN PHƯỚC LỘC	Nam	13/03/2009	7.80	7.50	7.10	7.80	7.55	5.25	6.00	4.50	0.0	13.29	
273	030273	TRẦN HỮU LỢI	Nam	24/06/2009	7.20	7.70	7.90	8.10	7.73	4.25	7.75	8.00	0.0	16.32	
274	030274	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	Nữ	09/11/2009	8.00	7.70	7.50	7.70	7.73	5.25	6.00	4.75	0.0	13.52	
275	030275	HUỲNH CÔNG MẠNH	Nam	22/10/2009	5.60	6.30	6.00	5.70	5.90	0.50	3.00	4.00	0.0	7.02	Liệt
276	030276	BÙI VĂN MINH	Nam	01/10/2009	7.10	7.20	6.70	7.20	7.05	4.75	5.00	5.75	0.0	12.97	
277	030277	HUỲNH HOÀNG MINH	Nam	02/07/2009	7.40	7.10	7.30	7.40	7.30	4.75	4.25	3.50	0.0	10.94	
278	030278	LÊ NGỌC ĐĂNG MINH	Nam	09/09/2009	7.50	6.90	7.60	6.90	7.23	2.25	6.75	6.25	0.0	12.84	
279	030279	LƯƠNG NGỌC MINH	Nam	29/07/2009	8.60	9.00	8.90	8.60	8.78	7.50	8.00	7.75	0.0	18.91	
280	030280	NGUYỄN DUY CAO MINH	Nam	29/07/2009	7.50	8.10	6.50	7.20	7.33	5.75	4.50	3.75	0.0	12.00	
281	030281	NGUYỄN DUY MINH	Nam	16/08/2009	6.80	7.20	7.10	7.00	7.03	3.58	4.50	3.00	0.0	9.87	
282	030282	NGUYỄN XUÂN TIẾN MINH	Nam	02/08/2009	7.50	7.70	7.90	7.50	7.65	4.75	3.25	4.25	0.0	10.87	
283	030283	VÕ CÔNG MINH	Nam	12/07/2009	7.90	8.50	8.40	8.50	8.33	6.50	6.25	6.75	0.0	16.15	
284	030284	ĐOÀN ĐẶNG TRÀ MY	Nữ	19/12/2009	7.10	6.70	7.00	6.90	6.93	2.50	3.75	2.25	0.0	8.03	
285	030285	HÀ THẢO MY	Nữ	26/05/2009	7.80	8.00	7.80	7.60	7.80	6.25	6.00	5.25	0.0	14.59	
286	030286	LÊ TRẦN KHẢ MY	Nữ	26/10/2009	7.80	6.70	7.20	7.50	7.30	4.75	4.25	5.00	0.0	11.99	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
287	030287	NGUYỄN CHÂU HẢI MY	Nữ	31/08/2009	7.80	7.40	7.10	6.70	7.25	4.00	4.50	4.50	0.0	11.27	
288	030288	NGUYỄN HÀ THẢO MY	Nữ	26/10/2009	8.00	8.20	8.30	8.70	8.30	6.75	8.00	9.00	0.0	19.12	
289	030289	NGUYỄN NGỌC THẢO MY	Nữ	12/08/2009	7.00	7.30	7.40	7.20	7.23	3.75	4.75	4.50	0.0	11.27	
290	030290	NGUYỄN PHẠM DIỄM MY	Nữ	05/10/2009	7.20	7.60	7.30	6.70	7.20	4.25	4.00	2.75	0.0	9.86	
291	030291	NGUYỄN PHƯƠNG HÀ MY	Nữ	16/06/2009	6.50	6.30	6.90	7.40	6.78	6.00	3.75	3.50	0.0	11.31	
292	030292	ĐINH HOÀNG NAM	Nam	19/10/2009	8.00	8.50	8.20	7.90	8.15	6.50	6.50	7.25	0.0	16.62	
293	030293	HỒ VÕ NHẤT NAM	Nam	22/09/2009	8.40	8.00	8.10	8.20	8.18	5.75	7.00	7.00	0.0	16.28	
294	030294	NGUYỄN HOÀNG BẢO NAM	Nam	20/04/2009	7.10	6.50	7.00	6.30	6.73	2.25	3.25	3.75	0.0	8.49	
295	030295	NGUYỄN TRẦN BẢO NAM	Nam	06/10/2009	6.30	6.40	6.70	6.90	6.58	4.00	5.25	4.25	0.0	11.42	
296	030296	NGUYỄN TRẦN NHẬT NAM	Nam	28/02/2009	7.40	7.40	7.50	7.20	7.38	5.75	4.75	2.50	0.0	11.31	
297	030297	PHẠM HOÀI NAM	Nam	10/09/2009	5.20	5.80	5.60	5.90	5.63	2.50	4.25	3.50	0.0	8.86	
298	030298	PHAN QUỐC NAM	Nam	05/03/2009	7.30	7.30	8.00	8.30	7.73	6.75	6.75	4.75	0.0	15.09	
299	030299	TRẦN NHẬT NAM	Nam	28/05/2009	7.90	7.50	7.40	7.50	7.58	4.50	4.75	6.25	0.0	13.12	
300	030300	ĐỖ THỊ THU NGÂN	Nữ	01/12/2009	8.30	8.30	8.40	8.40	8.35	4.25	5.00	7.25	0.0	14.06	
301	030301	LÂM THANH NGÂN	Nữ	29/10/2009	7.90	8.00	8.00	8.00	7.98	4.50	4.75	4.75	0.0	12.19	
302	030302	LÊ KIM NGÂN	Nữ	26/02/2009	7.30	7.10	7.40	7.00	7.20	3.25	1.75	1.75	0.0	6.88	
303	030303	LƯU THỊ TUYẾT NGÂN	Nữ	28/06/2009	6.50	6.40	6.90	6.40	6.55	4.25	2.00	5.25	0.0	10.02	
304	030304	NGUYỄN KIM NGÂN	Nữ	01/09/2009	6.70	6.80	7.50	8.40	7.35	5.00	4.25	3.00	0.0	10.78	
305	030305	NGUYỄN KIM NGÂN	Nữ	11/12/2009	6.50	6.90	7.40	7.60	7.10	4.50	6.00	4.25	0.0	12.45	
306	030306	NGUYỄN NGỌC NGÂN	Nữ	01/09/2009	6.80	6.70	6.70	7.10	6.83	5.00	2.75	4.75	0.0	10.80	
307	030307	NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN	Nữ	05/10/2009	7.50	8.10	7.30	6.40	7.33	4.50	3.00	2.50	0.0	9.20	
308	030308	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	04/01/2009	8.00	8.20	7.90	7.60	7.93	5.00	5.25	9.50	0.0	16.20	
309	030309	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	Nữ	24/02/2009	8.80	8.60	7.90	7.50	8.20	5.00	5.00	5.00	0.0	12.96	
310	030310	NGUYỄN YẾN KIM NGÂN	Nữ	29/09/2009	7.60	7.20	6.80	7.80	7.35	5.75	4.25	3.50	0.0	11.65	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
311	030311	TRƯƠNG THỊ THANH NGÂN	Nữ	31/03/2009	7.70	8.30	8.10	7.50	7.90	5.00	5.50	4.25	0.0	12.70	
312	030312	NGUYỄN PHƯƠNG NGHI	Nữ	18/04/2009	9.60	9.00	8.90	8.80	9.08	5.50	8.50	9.50	0.0	19.17	
313	030313	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG NGHI	Nữ	27/01/2009	8.00	8.40	8.60	8.30	8.33	5.25	6.00	4.25	0.0	13.35	
314	030314	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	Nam	31/03/2009	8.20	8.50	8.50	8.50	8.43	5.25	6.75	5.00	0.0	14.43	
315	030315	TRẦN MINH NGHĨA	Nam	19/01/2009	7.20	6.90	6.70	6.40	6.80	5.00	3.00	2.75	0.0	9.57	
316	030316	BÙI CHÂU HỒNG NGỌC	Nữ	06/06/2009	8.70	8.90	8.70	8.50	8.70	6.50	6.00	3.25	0.0	13.63	
317	030317	DIỆP HOÀI MỸ NGỌC	Nữ	27/10/2009	8.50	7.40	8.30	7.70	7.98	3.50	4.25	3.75	0.0	10.44	
318	030318	HUỲNH THỊ NHƯ NGỌC	Nữ	29/12/2009	6.70	7.10	7.10	6.80	6.93	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	2.08	Liệt
319	030319	LÊ THẢO NGỌC	Nữ	17/04/2009	7.40	7.80	6.60	7.10	7.23	3.75	3.50	3.75	0.0	9.87	
320	030320	LÊ TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	19/01/2009	8.80	8.60	8.30	8.60	8.58	5.50	6.50	5.25	0.0	14.65	
321	030321	NGUYỄN HỮU NGỌC	Nam	23/08/2009	7.10	7.40	7.60	7.30	7.35	5.25	6.75	2.25	0.0	12.18	
322	030322	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	Nữ	28/08/2009	8.50	8.40	8.20	7.90	8.25	7.00	5.25	3.50	0.0	13.50	
323	030323	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	01/10/2009	6.80	6.80	6.60	5.90	6.53	3.50	3.50	3.25	0.0	9.13	
324	030324	VÕ NGỌC	Nữ	04/09/2009	7.20	6.00	7.60	7.80	7.15	4.25	4.75	4.75	0.0	11.77	
325	030325	LÂM NGỌC NGUYÊN	Nữ	11/10/2009	7.00	7.10	7.20	7.30	7.15	3.25	3.75	3.50	0.0	9.50	
326	030326	MAI THỊ THẢO NGUYÊN	Nữ	25/09/2009	7.60	7.40	8.00	8.20	7.80	6.00	5.25	8.75	0.0	16.34	
327	030327	NGUYỄN THANH NGUYÊN	Nam	12/10/2009	8.10	8.10	7.90	7.80	7.98	5.75	5.75	4.50	0.0	13.59	
328	030328	NGUYỄN THÚY NGUYÊN	Nữ	04/08/2009	8.10	8.80	8.50	8.70	8.53	6.00	6.00	7.00	0.0	15.86	
329	030329	NGUYỄN TRUNG NGUYÊN	Nam	12/09/2009	7.80	8.30	7.70	7.90	7.93	6.00	3.75	2.25	0.0	10.78	
330	030330	TRẦN PHƯƠNG NGUYỄN	Nam	23/07/2009	6.40	5.40	5.80	5.50	5.78	2.50	3.50	3.00	0.0	8.03	
331	030331	NGUYỄN THANH NHÃ	Nam	30/05/2009	7.20	7.40	7.80	7.70	7.53	4.00	7.25	4.25	0.0	13.11	
332	030332	ĐẶNG THANH NHÀN	Nữ	23/09/2009	6.20	7.30	7.20	7.50	7.05	5.50	2.75	4.50	0.0	11.04	
333	030333	PHẠM MINH NHÀN	Nam	15/04/2009	6.20	5.50	6.20	6.50	6.10	4.00	6.00	2.75	0.0	10.75	
334	030334	PHAN THANH NHÀN	Nam	02/09/2009	6.80	7.50	7.30	7.20	7.20	2.50	6.75	4.50	0.0	11.78	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
335	030335	HUỲNH NGỌC NHANH	Nữ	06/10/2009	8.20	8.40	8.40	8.50	8.38	6.25	5.75	6.00	0.0	15.11	
336	030336	ĐẶNG THÀNH NHÂN	Nam	23/04/2009	7.70	6.70	7.00	6.80	7.05	4.25	4.25	3.25	0.0	10.34	
337	030337	NGUYỄN HIẾU NHÂN	Nam	01/09/2009	7.70	8.10	8.10	7.80	7.93	7.00	7.00	7.25	0.0	17.25	
338	030338	VÕ THÀNH NHÂN	Nam	21/08/2009	6.80	6.80	6.30	6.00	6.48	4.00	3.75	3.75	0.0	9.99	
339	030339	VÕ TRỌNG THÀNH NHÂN	Nam	27/11/2009	6.30	6.30	6.20	6.20	6.25	3.50	3.00	3.25	0.0	8.70	
340	030340	PHÙNG MINH NHẬT	Nam	15/12/2009	6.10	6.70	6.00	6.30	6.28	4.25	3.50	2.00	0.0	8.71	
341	030341	ÂU PHAN PHƯƠNG NHI	Nữ	10/07/2009	8.30	8.80	8.20	8.00	8.33	4.75	4.75	7.75	0.0	14.57	
342	030342	HUỲNH THẢO NHI	Nữ	08/09/2009	8.30	8.20	8.70	8.40	8.40	5.50	6.25	8.50	0.0	16.69	
343	030343	LÂM LÊ YẾN NHI	Nữ	04/02/2009	7.90	7.10	7.30	6.20	7.13	4.00	3.25	2.25	0.0	8.79	
344	030344	LÊ THỊ YẾN NHI	Nữ	22/04/2009	8.30	8.00	8.20	7.70	8.05	5.75	5.00	3.50	0.0	12.39	
345	030345	LÊ UYÊN NHI	Nữ	17/02/2009	6.80	7.10	7.10	6.90	6.98	3.00	4.00	2.50	0.0	8.74	
346	030346	LƯƠNG TUYẾT NHI	Nữ	15/11/2009	9.00	8.90	9.00	8.80	8.93	6.75	5.50	7.25	0.0	16.33	
347	030347	NGUYỄN LÊ YẾN NHI	Nữ	01/05/2009	6.90	7.20	8.00	6.30	7.10	4.25	3.75	6.50	0.0	12.28	
348	030348	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	Nữ	24/10/2009	6.90	7.10	7.30	7.60	7.23	4.50	4.00	4.75	0.0	11.44	
349	030349	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	07/10/2009	8.30	7.90	8.20	8.10	8.13	4.00	4.25	7.25	0.0	13.29	
350	030350	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	24/02/2009	6.50	6.90	6.80	7.10	6.83	4.25	4.50	2.75	0.0	10.10	
351	030351	NGUYỄN XUÂN NHI	Nữ	22/07/2009	7.60	7.80	7.40	7.80	7.65	7.50	6.50	5.00	0.0	15.60	
352	030352	PHẠM HUỲNH YẾN NHI	Nữ	30/01/2009	8.80	8.80	9.10	8.90	8.90	5.00	6.25	6.00	0.0	14.74	
353	030353	TRẦN BĂNG NHI	Nữ	24/10/2009	7.60	7.90	8.00	7.80	7.83	5.25	5.75	6.50	0.0	14.60	
354	030354	VÕ THỊ LÊ NHI	Nữ	06/07/2009	7.90	8.00	7.90	7.40	7.80	4.75	3.50	4.00	0.0	10.92	
355	030355	PHẠM THỊ NGỌC NHIÊN	Nữ	30/12/2009	7.10	6.50	6.80	7.20	6.90	5.75	3.75	4.00	0.0	11.52	
356	030356	HỒ THỊ TUYẾT NHUNG	Nữ	28/04/2009	7.00	7.20	7.10	6.80	7.03	3.75	2.75	2.25	0.0	8.23	
357	030357	LÂM TRANG TUYẾT NHUNG	Nữ	21/05/2009	7.10	7.90	6.80	6.80	7.15	4.50	3.50	2.25	0.0	9.32	
358	030358	VÕ THỊ LỆ NHUNG	Nữ	01/07/2009	7.80	7.20	7.80	6.90	7.43	4.50	4.00	2.50	0.0	9.93	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
359	030359	HUỲNH THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	06/09/2009	8.60	7.90	8.20	8.10	8.20	4.75	7.50	6.00	0.0	15.23	
360	030360	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH NHƯ	Nữ	04/10/2009	7.60	7.60	7.80	7.30	7.58	3.75	5.25	4.75	0.0	11.90	
361	030361	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	Nữ	25/02/2009	6.70	6.90	7.30	7.20	7.03	4.00	3.50	3.00	0.0	9.46	
362	030362	NGUYỄN VÕ THẢO NHƯ	Nữ	30/01/2009	8.50	8.30	8.70	8.60	8.53	7.50	4.25	4.00	0.0	13.58	
363	030363	TRẦN HUỲNH NHƯ	Nữ	17/11/2009	6.40	6.90	6.90	7.30	6.88	5.50	3.50	3.25	0.0	10.64	
364	030364	VÕ QUỲNH NHƯ	Nữ	09/05/2009	7.70	7.70	7.70	7.60	7.68	5.50	4.00	3.25	0.0	11.23	
365	030365	ĐINH MINH PHÁT	Nam	16/12/2009	8.20	7.90	8.20	8.70	8.25	7.75	6.25	4.00	0.0	15.08	
366	030366	HUỲNH TẤN PHÁT	Nam	03/04/2009	7.60	7.00	7.50	7.10	7.30	3.00	5.25	6.50	0.0	12.52	
367	030367	HUỲNH TẤN PHÁT	Nam	08/04/2009	7.70	6.90	7.40	7.10	7.28	5.25	4.25	4.75	0.0	12.16	
368	030368	LÊ GIA PHÁT	Nam	19/07/2009	6.30	7.40	6.70	6.50	6.73	3.75	3.00	4.25	0.0	9.72	
369	030369	LÊ THANH PHÁT	Nam	02/01/2009	7.70	7.50	7.20	6.80	7.30	3.25	3.50	3.50	0.0	9.37	
370	030370	LÊ TIẾN PHÁT	Nam	07/04/2009	8.50	8.00	7.70	7.50	7.93	5.83	5.25	3.50	0.0	12.58	
371	030371	LÝ THÀNH PHÁT	Nam	08/05/2009	8.30	7.40	7.30	7.30	7.58	4.75	5.00	2.75	0.0	11.02	
372	030372	NGUYỄN GIA PHÁT	Nam	03/11/2009	7.50	7.60	7.00	8.00	7.53	7.25	4.00	7.25	0.0	15.21	
373	030373	NGUYỄN TIẾN PHÁT	Nam	30/08/2009	8.60	9.40	9.10	9.10	9.05	7.00	7.00	8.50	0.0	18.47	
374	030374	PHAN THÀNH PHÁT	Nam	13/02/2009	6.90	7.50	8.00	8.00	7.60	5.50	4.75	5.00	0.0	12.95	
375	030375	LÊ THI HỒNG PHẤN	Nữ	20/09/2009	5.70	6.60	7.20	6.70	6.55	4.75	3.00	3.00	0.0	9.49	
376	030376	TRÀ HOÀNG PHI	Nam	28/05/2009	5.70	5.50	6.20	6.20	5.90	4.75	3.75	4.25	0.0	10.70	
377	030377	NGUYỄN THANH PHONG	Nam	24/04/2009	8.80	8.70	8.90	8.80	8.80	8.50	7.25	8.25	0.0	19.44	
378	030378	ĐẶNG HUỲNH GIA PHÚ	Nam	07/06/2009	8.60	8.60	8.20	7.80	8.30	4.75	5.25	7.00	0.0	14.39	
379	030379	HỒ HOÀNG PHÚ	Nam	13/10/2009	7.80	7.80	7.60	7.40	7.65	2.25	4.25	3.25	0.0	9.12	
380	030380	TRẦN NGUYỄN NGỌC PHÚ	Nam	18/09/2009	7.50	7.20	7.50	7.60	7.45	4.25	6.50	4.00	0.0	12.56	
381	030381	ĐẶNG THÀNH PHÚC	Nam	08/03/2009	8.20	8.30	8.60	8.50	8.40	8.25	6.25	8.00	0.0	18.27	
382	030382	HUỲNH TẤN PHÚC	Nam	07/10/2009	6.70	8.40	7.10	7.10	7.33	3.50	4.50	4.75	0.0	11.12	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
383	030383	LÊ GIA PHÚC	Nam	13/07/2009	8.00	7.80	8.00	7.70	7.88	7.00	8.00	7.75	0.0	18.29	
384	030384	LÊ HOÀNG PHÚC	Nam	15/09/2009	6.30	6.50	6.30	6.10	6.30	3.25	1.50	4.50	0.0	8.37	
385	030385	NGUYỄN ANH PHÚC	Nam	16/01/2009	9.00	9.30	9.00	8.70	9.00	5.50	8.00	7.75	0.0	17.58	
386	030386	NGUYỄN GIA PHÚC	Nam	17/11/2009	6.30	6.20	5.30	5.80	5.90	4.00	5.50	3.50	0.0	10.87	
387	030387	LÊ KIM PHỤNG	Nữ	28/03/2009	6.30	7.10	6.40	7.40	6.80	4.50	3.75	3.75	0.0	10.44	
388	030388	PHAN THỊ MỸ PHỤNG	Nữ	16/10/2009	7.40	7.30	7.00	6.60	7.08	1.75	3.25	3.75	0.0	8.25	
389	030389	PHAN VĂN PHỤNG	Nam	18/04/2009	7.70	7.30	7.60	7.00	7.40	4.75	4.50	3.25	0.0	10.97	
390	030390	TRẦN THÀNH PHƯỚC	Nam	21/09/2009	8.00	8.30	7.80	7.90	8.00	4.75	5.50	6.00	0.0	13.78	
391	030391	TRIỆU THANH PHƯỚC	Nam	17/08/2009	8.90	9.00	8.70	8.80	8.85	7.25	7.75	8.00	0.0	18.76	
392	030392	LÊ NGUYỄN TRÚC PHƯƠNG	Nữ	29/01/2009	6.60	7.30	7.20	6.50	6.90	3.75	3.00	3.25	0.0	9.07	
393	030393	PHAN MAI PHƯƠNG	Nữ	15/04/2009	9.30	9.50	9.10	9.30	9.30	6.75	7.00	8.75	0.0	18.54	
394	030394	TÔ LÂM BẢO PHƯƠNG	Nam	05/10/2009	7.00	7.60	7.50	6.80	7.23	5.00	4.00	5.75	0.0	12.49	
395	030395	TRẦN HOÀI PHƯƠNG	Nam	04/06/2009	5.80	5.80	6.50	6.70	6.20	3.00	1.50	2.50	0.0	6.76	
396	030396	TRẦN NAM PHƯƠNG	Nam	29/05/2009	5.70	6.40	6.30	6.60	6.25	5.17	4.00	2.50	0.0	10.04	
397	030397	TRẦN THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	28/05/2009	7.60	7.60	7.10	6.70	7.25	3.25	1.00	2.75	0.0	7.08	
398	030398	VÕ NGUYỄN KHÁNH PHƯƠNG	Nam	23/02/2009	9.20	8.60	9.40	9.40	9.15	7.75	7.00	9.25	0.0	19.54	
399	030399	HUỲNH ĐẶNG NGỌC PHƯỢNG	Nữ	14/05/2009	8.20	8.10	8.00	7.40	7.93	5.00	3.75	4.00	0.0	11.30	
400	030400	LÊ QUANG	Nam	24/05/2009	8.00	8.00	7.90	7.50	7.85	7.00	5.00	5.50	0.0	14.60	
401	030401	VÕ NHẬT QUANG	Nam	08/09/2009	5.90	6.30	6.70	6.40	6.33	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	1.90	Liệt
402	030402	PHẠM ANH QUÂN	Nam	02/03/2009	8.20	8.30	8.40	8.30	8.30	6.75	5.25	7.50	0.0	16.14	
403	030403	TRỊNH LÊ QUÂN	Nam	13/10/2009	6.60	6.80	5.60	5.30	6.08	3.00	2.50	7.25	1.0	11.75	
404	030404	ĐỖ LÊ NGUYỆT QUẾ	Nữ	12/10/2009	8.40	9.00	9.10	8.90	8.85	6.92	7.75	7.00	0.0	17.82	
405	030405	ĐINH QUỐC QUI	Nam	11/03/2009	7.50	7.40	7.40	7.40	7.43	6.25	4.00	6.00	0.0	13.60	
406	030406	ĐẶNG NHẬT QUỐC	Nam	31/03/2009	7.90	8.10	7.20	6.70	7.48	5.50	2.75	3.50	0.0	10.47	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
407	030407	PHẠM NGUYỄN GIA QUY	Nam	14/10/2009	8.20	8.20	8.10	8.00	8.13	5.25	5.25	4.25	0.0	12.76	
408	030408	NGUYỄN PHÚ QUÝ	Nam	23/03/2009	7.80	7.60	7.60	7.20	7.55	4.50	3.50	5.50	0.0	11.72	
409	030409	PHẠM NGỌC QUÝ	Nam	28/08/2009	6.90	7.30	6.60	6.30	6.78	5.00	0.25	3.00	0.0	7.81	Liệt
410	030410	LÊ MINH THẢO QUYÊN	Nữ	13/01/2009	8.40	8.50	8.20	8.20	8.33	6.50	5.50	5.50	0.0	14.75	
411	030411	NGÔ PHƯƠNG QUYÊN	Nữ	05/06/2009	8.00	7.50	7.20	7.50	7.55	6.25	5.00	5.75	0.0	14.17	
412	030412	NGUYỄN HUỲNH TÚ QUYÊN	Nữ	01/02/2009	8.10	7.50	6.80	7.40	7.45	5.00	7.00	5.50	0.0	14.48	
413	030413	NGUYỄN THỊ ĐỖ QUYÊN	Nữ	24/09/2009	7.70	8.00	8.20	8.20	8.03	6.58	6.00	5.75	0.0	15.24	
414	030414	TRẦN TÚ QUYÊN	Nữ	21/03/2009	7.30	7.10	7.50	7.20	7.28	5.00	3.25	4.25	0.0	10.93	
415	030415	ĐÀO NGỌC QUỲNH	Nữ	18/07/2009	6.50	6.90	6.20	6.90	6.63	4.75	2.50	4.25	0.0	10.04	
416	030416	ĐẶNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	16/10/2009	8.20	8.70	8.20	8.10	8.30	7.75	5.00	6.00	0.0	15.62	
417	030417	NGUYỄN THỊ XUÂN QUỲNH	Nữ	04/07/2009	6.80	6.70	7.30	6.60	6.85	2.25	3.75	2.50	0.0	8.00	
418	030418	NGUYỄN HÀ NGUYÊN SAN	Nữ	20/10/2009	7.10	6.90	6.80	7.00	6.95	5.25	3.75	4.00	0.0	11.18	
419	030419	LÝ HOÀI SANG	Nam	21/12/2009	6.60	6.70	6.70	6.70	6.68	4.00	5.00	3.50	0.0	10.75	
420	030420	NGUYỄN HOÀNG SANG	Nam	31/03/2009	6.60	7.40	7.50	7.20	7.18	4.75	4.25	4.25	0.0	11.43	
421	030421	TRẦN NHẬT BẢO SANG	Nữ	22/02/2009	8.20	8.10	8.40	8.70	8.35	6.50	6.00	5.00	0.0	14.76	
422	030422	HỒ TRƯỜNG SƠN	Nam	23/06/2009	8.00	8.40	7.50	7.00	7.73	2.75	5.25	2.25	0.0	9.49	
423	030423	HUỲNH HỒNG SƠN	Nam	02/01/2009	6.40	6.80	6.10	5.70	6.25	4.00	4.00	2.50	0.0	9.22	
424	030424	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	Nam	06/10/2009	7.70	8.10	8.00	7.70	7.88	5.17	4.50	5.25	0.0	12.81	
425	030425	BIỆN THỊ THẢO SƯƠNG	Nữ	02/10/2009	6.50	7.00	7.30	7.10	6.98	3.75	5.25	2.50	0.0	10.14	
426	030426	BÙI TẤN TÀI	Nam	11/11/2009	8.10	7.90	8.00	7.90	7.98	4.50	5.50	7.00	0.0	14.29	
427	030427	CAO ĐÌNH TÀI	Nam	09/09/2009	5.70	6.90	7.00	7.20	6.70	3.25	2.75	3.50	0.0	8.66	
428	030428	HỒ TẤN TÀI	Nam	27/11/2009	8.90	9.10	8.60	8.20	8.70	5.75	6.00	6.25	0.0	15.21	
429	030429	NGUYỄN ANH TÀI	Nam	23/02/2009	6.50	6.90	7.50	7.00	6.98	3.50	4.75	3.00	0.0	9.97	
430	030430	HUỲNH MINH TÂM	Nam	15/05/2009	7.90	8.30	7.70	7.90	7.95	7.00	4.25	4.50	0.0	13.41	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
431	030431	THÁI DUY TÂN	Nam	18/02/2009	6.40	6.90	7.00	6.80	6.78	5.25	3.50	1.75	0.0	9.38	
432	030432	LÊ TRUNG TẤN	Nam	09/12/2009	7.20	7.80	7.40	7.10	7.38	4.75	4.75	4.75	0.0	12.19	
433	030433	ĐOÀN NHỰT THANH	Nam	08/09/2009	6.80	7.30	7.20	6.70	7.00	4.75	3.50	4.00	0.0	10.68	
434	030434	HUỲNH LÊ MAI THANH	Nữ	26/06/2009	7.00	8.40	7.80	7.90	7.78	2.75	3.25	2.75	0.0	8.46	
435	030435	NGUYỄN TUẤN THANH	Nam	01/06/2009	6.00	6.30	6.90	7.20	6.60	5.75	6.25	5.00	0.0	13.88	
436	030436	TRẦN THIỆN THANH	Nam	05/09/2009	6.50	6.60	7.30	8.30	7.18	6.75	6.50	6.50	0.0	15.98	
437	030437	VĂN QUỐC THANH	Nam	24/07/2009	8.50	8.50	8.30	8.50	8.45	7.25	7.25	5.25	0.0	16.36	
438	030438	HỒ XUÂN THÀNH	Nam	20/11/2009	7.80	7.30	7.40	7.00	7.38	4.92	6.00	4.25	0.0	12.83	
439	030439	HUỲNH VŨ CÔNG THÀNH	Nam	17/03/2009	5.40	5.80	6.30	7.40	6.23	5.25	3.25	2.25	0.0	9.39	
440	030440	QUÁCH TRẦN THÀNH	Nam	23/08/2009	7.10	7.10	7.50	8.30	7.50	5.75	4.75	3.50	0.0	12.05	
441	030441	NGUYỄN HOÀNG THANH THẢO	Nữ	19/03/2009	9.10	9.10	9.10	9.10	9.10	6.75	6.75	7.75	0.0	17.61	
442	030442	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	25/10/2009	7.60	7.80	7.90	8.00	7.83	6.67	6.50	5.25	0.0	15.24	
443	030443	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	29/09/2009	7.00	7.20	6.70	6.60	6.88	5.00	0.75	4.00	0.0	8.89	Liệt
444	030444	PHẠM VĂN THẢO	Nam	07/06/2009	8.60	7.30	6.90	7.40	7.55	5.25	6.00	5.25	0.0	13.82	
445	030445	VÕ HỒNG THẮM	Nữ	27/05/2009	8.50	8.70	8.60	8.40	8.55	7.00	5.50	6.50	0.0	15.87	
446	030446	TRẦN MINH THẮNG	Nam	02/01/2009	8.60	8.90	8.40	7.70	8.40	6.75	5.50	2.75	0.0	13.02	
447	030447	HUỲNH THỊ BẢO THI	Nữ	17/09/2009	5.00	5.80	5.70	5.60	5.53	3.00	0.75	3.25	0.0	6.56	Liệt
448	030448	NGUYỄN HUỲNH BẢO THI	Nữ	03/12/2009	8.60	8.60	8.50	8.50	8.55	7.25	5.00	4.50	0.0	14.29	
449	030449	TRẦN THỊ KIM THI	Nữ	09/02/2009	8.30	8.30	7.90	7.70	8.05	6.00	6.00	4.75	0.0	14.14	
450	030450	NGUYỄN PHƯỚC THIỆN	Nam	30/11/2009	6.80	7.50	8.00	7.50	7.45	4.50	4.25	4.25	0.0	11.33	
451	030451	BÙI DUY THỊNH	Nam	19/02/2009	7.50	7.70	7.80	7.60	7.65	5.75	6.50	4.00	0.0	13.67	
452	030452	MÃ GIA THỊNH	Nam	05/12/2009	8.00	7.50	7.60	7.30	7.60	3.00	7.00	4.75	0.0	12.60	
453	030453	NGUYỄN HỒNG THỊNH	Nam	13/01/2009	6.70	6.40	6.50	6.60	6.55	4.50	3.00	4.25	0.0	10.19	
454	030454	NGUYỄN VIẾT PHÚ THỊNH	Nam	13/09/2009	6.90	6.30	7.20	6.50	6.73	5.25	5.00	4.00	0.0	11.99	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
455	030455	VÕ NGÔ XUÂN THỊNH	Nam	20/08/2009	8.30	8.20	8.40	8.80	8.43	7.25	6.50	5.25	0.0	15.83	
456	030456	ĐẶNG HỮU THUẬN	Nam	11/04/2009	6.60	7.10	7.20	7.80	7.18	6.25	4.50	3.50	0.0	12.13	
457	030457	ĐOÀN THANH THUẬN	Nam	24/04/2009	6.60	7.50	7.40	7.40	7.23	6.00	5.00	3.25	0.0	12.14	
458	030458	ĐẶNG KIM THUY	Nữ	12/01/2009	8.80	9.00	8.50	8.40	8.68	5.25	6.75	6.50	0.0	15.55	
459	030459	ĐỖ HUỲNH MAI THUY	Nữ	16/04/2009	8.80	8.90	8.90	8.80	8.85	5.25	6.50	5.75	0.0	14.91	
460	030460	NGÔ NGUYỄN BẢO THUY	Nữ	20/09/2009	8.20	7.40	7.10	7.40	7.53	6.25	6.50	4.25	0.0	14.16	
461	030461	NGUYỄN THỊ KIM THÚY	Nữ	30/11/2009	6.90	7.10	6.80	7.30	7.03	5.25	5.00	1.75	0.0	10.51	
462	030462	DIỆP THỊ NGỌC THỦY	Nữ	24/06/2009	5.80	5.90	5.40	5.60	5.68	4.00	0.75	2.00	1.0	7.43	Liệt
463	030463	LÊ QUYÊN THỦY	Nữ	26/05/2009	7.50	8.00	8.20	7.70	7.85	5.00	3.75	3.25	0.0	10.75	
464	030464	BÙI HOÀNG ANH THƯ	Nữ	13/01/2009	8.70	9.00	8.80	8.70	8.80	6.50	6.50	6.25	0.0	16.12	
465	030465	ĐOÀN NGỌC MINH THƯ	Nữ	26/12/2009	8.70	8.40	8.50	8.20	8.45	5.50	6.75	4.50	0.0	14.26	
466	030466	HÀ MINH THƯ	Nam	30/07/2009	8.80	8.80	9.20	9.40	9.05	7.25	8.00	7.50	0.0	18.64	
467	030467	HỒ NGỌC ANH THƯ	Nữ	15/07/2009	8.60	8.40	8.50	8.00	8.38	6.75	7.00	7.25	0.0	17.21	
468	030468	LÊ HUỲNH ANH THƯ	Nữ	05/11/2009	6.30	7.30	7.10	6.20	6.73	3.75	3.50	2.25	0.0	8.67	
469	030469	LÊ NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	22/05/2009	6.70	6.00	7.00	7.00	6.68	3.25	6.50	6.25	0.0	13.20	
470	030470	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	21/07/2009	8.50	8.60	8.60	8.80	8.63	4.00	6.00	6.75	0.0	14.31	
471	030471	NGUYỄN NGỌC BẢO THƯ	Nữ	07/06/2009	7.70	7.80	8.00	8.10	7.90	6.75	5.25	4.50	0.0	13.92	
472	030472	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	Nữ	23/03/2009	8.90	9.00	8.70	8.70	8.83	6.50	7.50	7.00	0.0	17.35	
473	030473	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	24/12/2009	6.30	6.40	6.40	6.30	6.35	6.50	4.50	4.50	0.0	12.75	
474	030474	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	25/06/2009	7.90	7.80	8.00	8.20	7.98	6.75	5.50	4.75	0.0	14.29	
475	030475	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	Nữ	23/07/2009	8.60	8.80	8.90	8.60	8.73	7.00	5.50	5.00	0.0	14.87	
476	030476	PHAN NGỌC ANH THƯ	Nữ	07/10/2009	8.60	9.20	9.10	9.10	9.00	6.17	7.50	8.50	0.0	18.22	
477	030477	TỐNG THANH THƯ	Nữ	31/01/2009	8.30	8.20	8.40	8.20	8.28	5.00	7.00	5.25	0.0	14.56	
478	030478	TRẦN TỐ THƯ	Nữ	29/01/2009	7.30	8.30	8.10	7.80	7.88	4.00	4.50	5.50	0.0	12.16	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
479	030479	NGUYỄN NGỌC ANH THƯƠNG	Nam	25/09/2009	9.00	8.70	9.40	9.50	9.15	8.00	8.00	9.75	0.0	20.77	
480	030480	PHẠM THÀNH THƯƠNG	Nam	12/04/2009	8.10	7.60	7.00	7.00	7.43	2.50	3.50	2.75	0.0	8.35	
481	030481	THÂN PHẠM HOÀI THƯƠNG	Nữ	19/03/2009	5.60	7.40	7.80	7.60	7.10	4.50	4.25	3.00	0.0	10.35	
482	030482	VĂN THỊ KIỀU THƯƠNG	Nữ	01/11/2009	8.30	7.90	8.40	8.10	8.18	2.00	3.75	4.00	0.0	9.28	
483	030483	LÊ THỊ BẢO THY	Nữ	08/08/2009	8.90	8.90	8.70	8.30	8.70	4.50	4.75	4.75	0.0	12.41	
484	030484	NGUYỄN THỊ ANH THY	Nữ	01/10/2009	7.90	7.50	7.00	6.50	7.23	3.50	1.50	2.50	0.0	7.42	
485	030485	NGUYỄN THỊ BẢO THY	Nữ	21/06/2009	8.60	8.90	8.80	8.40	8.68	3.00	5.75	4.00	0.0	11.53	
486	030486	NGUYỄN VÕ KIM THY	Nữ	25/08/2009	9.10	8.50	8.80	8.50	8.73	6.50	6.25	6.75	0.0	16.27	
487	030487	VÕ THỊ BẢO THY	Nữ	14/10/2009	7.50	8.10	8.50	8.00	8.03	5.50	4.50	3.25	0.0	11.68	
488	030488	LÊ THỊ THỦY TIÊN	Nữ	12/10/2009	8.60	8.10	8.40	7.50	8.15	4.25	4.50	7.25	0.0	13.64	
489	030489	MAI THỊ THỦY TIÊN	Nữ	26/02/2009	7.00	8.30	8.00	7.30	7.65	5.00	4.00	5.25	0.0	12.27	
490	030490	TRẦN THỊ CẨM TIÊN	Nữ	26/04/2009	8.60	8.40	8.20	8.00	8.30	5.25	5.00	3.50	0.0	12.12	
491	030491	VŨ THỦY TIÊN	Nữ	17/12/2009	8.50	8.80	8.30	7.80	8.35	6.75	5.00	4.25	0.0	13.71	
492	030492	LÂM NHỰT TIẾN	Nam	19/11/2009	6.40	7.30	6.60	7.70	7.00	6.50	6.50	5.00	0.0	14.70	
493	030493	LÊ HOÀNG MINH TIẾN	Nam	28/11/2009	5.90	7.00	6.30	6.60	6.45	6.00	4.00	3.50	0.0	11.38	
494	030494	LÊ THỊ BÍCH TIỀN	Nữ	28/11/2008	7.40	8.00	7.50	6.80	7.43	3.75	3.50	2.50	0.0	9.05	
495	030495	LÊ NGỌC TÍM	Nữ	05/06/2009	8.60	8.00	8.30	8.20	8.28	7.50	7.00	6.50	0.0	17.18	
496	030496	ĐỖ TRUNG TÍNH	Nam	20/05/2009	7.90	8.00	8.00	8.40	8.08	5.50	6.25	5.25	0.0	14.32	
497	030497	HỒ PHÁT TỊNH	Nam	22/08/2009	7.60	8.10	7.40	7.30	7.60	5.00	5.75	2.50	0.0	11.55	
498	030498	LÊ BẢO TOÀN	Nam	09/01/2009	7.40	7.60	7.50	6.60	7.28	2.75	2.25	1.75	0.0	6.91	
499	030499	PHAN THÁI TOÀN	Nam	12/07/2009	6.50	7.00	6.30	6.70	6.63	3.50	3.75	3.25	0.0	9.34	
500	030500	NGUYỄN NGỌC THANH TRÀ	Nữ	29/09/2009	7.70	7.90	8.70	7.70	8.00	6.00	5.25	8.00	0.0	15.88	
501	030501	VÕ LÊ THANH TRÀ	Nữ	01/11/2009	6.70	6.90	7.10	7.50	7.05	5.25	3.50	3.75	0.0	10.87	
502	030502	HUỲNH VÕ THÙY TRANG	Nữ	05/05/2009	8.70	9.40	8.70	8.50	8.83	7.00	6.00	5.75	0.0	15.77	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
503	030503	NGUYỄN NGỌC THÙY TRANG	Nữ	09/09/2009	8.00	8.60	7.90	8.30	8.20	6.75	5.25	5.25	0.0	14.53	
504	030504	NGUYỄN THỊ HIỀN TRANG	Nữ	24/03/2009	7.80	7.80	7.60	7.40	7.65	4.25	1.50	3.50	0.0	8.77	
505	030505	TRẦN THỊ THÙY TRANG	Nữ	01/11/2009	6.60	7.40	7.10	7.00	7.03	5.75	4.00	2.75	0.0	10.86	
506	030506	TRẦN THỊ THÙY TRANG	Nữ	22/04/2009	7.40	8.00	7.80	7.70	7.73	6.75	3.50	4.00	0.0	12.29	
507	030507	TRẦN THÙY TRANG	Nữ	05/09/2009	8.00	7.00	7.30	6.80	7.28	6.00	2.25	4.50	0.0	11.11	
508	030508	TRƯƠNG THỊ THÙY TRANG	Nữ	18/06/2009	7.20	7.20	7.00	6.60	7.00	1.75	3.50	2.00	0.0	7.18	
509	030509	DƯ MAI TRÂM	Nữ	24/08/2009	8.10	7.40	7.20	7.40	7.53	4.50	5.00	2.00	0.0	10.31	
510	030510	HUỲNH THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	16/09/2009	7.20	7.80	7.60	7.50	7.53	4.50	4.25	4.75	0.0	11.71	
511	030511	HUỲNH THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	04/11/2009	8.70	8.80	8.70	8.50	8.68	6.25	5.00	6.25	0.0	14.85	
512	030512	HUỲNH VÕ NGỌC TRÂM	Nữ	04/11/2009	7.80	7.50	7.70	7.40	7.60	5.75	5.00	3.25	0.0	12.08	
513	030513	NGUYỄN NGỌC BÍCH TRÂM	Nữ	01/08/2009	6.80	7.10	7.20	6.70	6.95	6.25	2.75	3.50	0.0	10.83	
514	030514	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Nữ	06/10/2009	8.00	8.10	8.10	8.00	8.05	6.75	4.50	1.75	0.0	11.52	
515	030515	PHẠM LÊ THÙY TRÂM	Nữ	28/06/2009	7.90	7.50	7.60	7.60	7.65	5.75	4.25	4.75	0.0	12.62	
516	030516	TRẦN NGỌC TRÂM	Nữ	03/09/2009	7.30	7.00	7.50	6.90	7.18	4.25	4.00	4.00	0.0	10.73	
517	030517	TRẦN THỊ TÚ TRÂM	Nữ	20/11/2009	8.40	9.20	8.90	9.00	8.88	7.25	6.25	5.75	0.0	16.14	
518	030518	VÕ NGỌC BẢO TRÂM	Nữ	03/10/2009	6.80	7.40	7.60	7.30	7.28	2.75	3.00	2.00	0.0	7.61	
519	030519	HUỲNH THỊ PHƯƠNG TRÂM	Nữ	14/11/2009	7.40	7.00	7.60	7.30	7.33	3.75	3.50	3.00	0.0	9.37	
520	030520	BÙI LÊ BẢO TRÂN	Nữ	05/06/2009	7.60	6.90	7.30	6.70	7.13	4.00	3.50	5.00	0.0	10.89	
521	030521	ĐƯỜNG THÁI NGỌC TRÂN	Nữ	17/08/2009	7.10	7.60	7.90	7.60	7.55	5.50	6.00	4.75	0.0	13.64	
522	030522	LÊ NGỌC TRÂN	Nữ	07/04/2009	7.80	8.30	8.20	7.20	7.88	6.50	4.00	5.75	0.0	13.74	
523	030523	NGUYỄN HUYỀN TRÂN	Nữ	16/04/2009	7.60	7.80	7.70	8.10	7.80	5.50	6.00	5.00	0.0	13.89	
524	030524	NGUYỄN HUYỀN TRÂN	Nữ	29/10/2009	6.90	7.20	7.60	7.50	7.30	5.50	3.75	3.75	0.0	11.29	
525	030525	NGUYỄN THỊ THÙY TRÂN	Nữ	18/10/2009	8.40	8.50	7.90	7.40	8.05	3.50	4.00	3.25	0.0	9.94	
526	030526	PHAN THỊ HUYỀN TRÂN	Nữ	17/12/2009	8.70	7.90	8.20	8.00	8.20	3.25	4.75	4.75	0.0	11.38	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
527	030527	PHAN THỊ HUYỀN TRÂN	Nữ	31/01/2009	8.10	8.20	7.70	7.30	7.83	5.75	3.50	2.25	0.0	10.40	
528	030528	LƯU THÀNH TRÍ	Nam	28/06/2009	6.70	6.20	7.20	6.80	6.73	5.25	3.50	3.25	0.0	10.42	
529	030529	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	13/06/2009	8.30	8.80	8.30	8.00	8.35	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	2.51	Liệt
530	030530	NGUYỄN TÀI TRÍ	Nam	20/03/2009	8.50	8.70	9.00	8.50	8.68	7.25	6.25	8.50	0.0	18.00	
531	030531	ĐOÀN PHÁT TRIỂN	Nam	03/04/2009	6.60	7.80	7.30	7.60	7.33	5.00	4.25	7.25	0.0	13.75	
532	030532	VÕ MINH TRIẾT	Nam	23/11/2009	7.00	6.80	6.50	6.70	6.75	6.75	3.50	6.00	0.0	13.40	
533	030533	TRẦN MINH TRIỀU	Nam	17/03/2009	9.00	8.80	8.80	8.20	8.70	8.00	6.50	7.50	0.0	18.01	
534	030534	LÊ QUỐC TRIỆU	Nam	04/12/2009	8.10	8.10	7.40	7.00	7.65	6.00	5.50	5.75	0.0	14.37	
535	030535	VÕ NGUYỄN ANH TRIỆU	Nam	17/02/2009	8.40	8.70	8.60	8.40	8.53	8.00	7.75	8.75	0.0	19.71	
536	030536	NGUYỄN LÊ ĐĂNG TRÌNH	Nam	21/10/2009	7.30	7.50	7.80	7.60	7.55	3.25	3.75	3.50	0.0	9.62	
537	030537	DƯƠNG MINH TRỌNG	Nam	10/03/2009	7.40	7.10	7.00	6.60	7.03	5.25	4.00	2.50	0.0	10.33	
538	030538	HỒ ĐỨC TRỌNG	Nam	20/11/2009	6.80	6.60	6.50	6.30	6.55	3.25	3.75	2.25	0.0	8.44	
539	030539	LÊ ĐÌNH TRỌNG	Nam	24/07/2009	5.40	6.30	6.60	6.50	6.20	3.50	4.75	3.50	0.0	10.08	
540	030540	LÊ QUỐC TRỌNG	Nam	28/05/2009	5.00	6.00	5.80	5.50	5.58	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	1.67	Liệt
541	030541	BÙI THANH TRÚC	Nữ	09/01/2009	7.70	7.80	7.70	8.00	7.80	7.25	6.00	4.25	0.0	14.59	
542	030542	ĐẶNG THANH TRÚC	Nữ	19/02/2009	8.10	7.70	7.70	7.80	7.83	6.00	5.50	7.75	0.0	15.82	
543	030543	LÊ THỊ MỘNG TRÚC	Nữ	09/03/2009	7.90	8.00	7.90	7.50	7.83	5.25	5.50	3.25	0.0	12.15	
544	030544	MAI HUỲNH NHƯ TRÚC	Nữ	06/10/2009	8.60	8.50	8.10	8.10	8.33	6.00	5.75	5.50	0.0	14.57	
545	030545	NGUYỄN LỘC NGỌC TRÚC	Nữ	12/09/2009	8.80	8.80	8.60	8.70	8.73	6.75	5.50	8.25	0.0	16.97	
546	030546	NGUYỄN TRẦN THANH TRÚC	Nữ	02/01/2009	6.50	7.20	7.10	7.00	6.95	5.00	4.00	4.75	0.0	11.71	
547	030547	PHAN HỒNG TRÚC	Nữ	21/08/2009	6.70	6.90	7.40	7.00	7.00	5.00	4.50	3.25	0.0	11.02	
548	030548	TRẦN THANH TRÚC	Nữ	16/08/2009	7.10	8.30	7.60	7.70	7.68	6.25	4.75	4.00	0.0	12.80	
549	030549	TRẦN THỊ NGỌC TRÚC	Nữ	23/10/2009	8.70	9.20	9.10	8.80	8.95	7.25	5.25	7.75	0.0	16.86	
550	030550	TRƯƠNG LÊ THANH TRÚC	Nữ	28/06/2009	6.80	7.50	8.40	8.40	7.78	6.25	6.25	8.00	0.0	16.68	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
551	030551	VÕ THANH TRÚC	Nữ	03/11/2009	8.40	8.30	8.70	8.30	8.43	5.50	4.50	5.00	0.0	13.03	
552	030552	NGUYỄN QUỐC TRUNG	Nam	21/10/2009	5.70	5.90	5.90	6.40	5.98	3.25	3.50	2.75	0.0	8.44	
553	030553	ĐỖ HÀ NHỰT TRƯỜNG	Nam	11/03/2009	7.40	7.50	7.30	7.10	7.33	6.00	7.00	8.50	0.0	17.25	
554	030554	MAI NHẬT TRƯỜNG	Nam	13/03/2009	8.30	8.00	8.00	7.30	7.90	4.50	4.00	6.25	0.0	12.70	
555	030555	DƯƠNG NGỌC TÚ	Nữ	14/10/2009	5.00	6.60	6.00	6.10	5.93	3.00	3.75	1.50	0.0	7.55	
556	030556	HUỲNH ANH TÚ	Nam	19/06/2009	7.00	7.10	7.10	7.00	7.05	3.50	3.75	3.00	0.0	9.29	
557	030557	NGÔ NGHI TÚ	Nữ	05/10/2008	9.20	9.30	9.00	9.10	9.15	7.50	6.00	9.50	0.0	18.84	
558	030558	NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ	Nữ	27/08/2009	7.20	7.90	7.80	7.30	7.55	5.25	3.50	5.50	0.0	12.24	
559	030559	PHẠM VÕ CẨM TÚ	Nữ	26/11/2009	8.20	6.90	7.70	7.50	7.58	5.00	5.00	4.75	0.0	12.60	
560	030560	HUỲNH MINH TUẤN	Nam	28/09/2009	8.70	8.80	9.10	9.40	9.00	6.50	7.25	6.50	0.0	16.88	
561	030561	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	Nam	03/09/2009	7.00	7.20	7.40	7.60	7.30	5.75	5.00	6.75	0.0	14.44	
562	030562	NGUYỄN CHÂU TUỆ	Nữ	14/09/2009	7.50	8.20	7.50	7.30	7.63	5.00	3.75	3.75	0.0	11.04	
563	030563	ĐẶNG NGỌC TUYỀN	Nữ	24/06/2009	7.90	8.00	7.50	6.50	7.48	2.50	0.00	2.50	0.0	5.74	Liệt
564	030564	NGUYỄN THỊ BÍCH TUYỀN	Nữ	10/06/2009	7.80	8.00	7.90	7.70	7.85	3.50	4.50	1.75	0.0	9.18	
565	030565	NGUYỄN THỊ NGỌC TUYỀN	Nữ	18/02/2009	6.10	7.00	6.80	6.70	6.65	5.00	3.25	3.25	0.0	10.05	
566	030566	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	Nữ	21/06/2009	8.30	7.40	7.60	7.20	7.63	5.50	6.75	5.25	0.0	14.54	
567	030567	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	Nữ	31/10/2009	6.60	7.00	7.70	7.30	7.15	3.75	5.25	4.75	0.0	11.77	
568	030568	TRẦN THỊ BÍCH TUYỀN	Nữ	31/10/2009	8.70	8.00	8.30	8.00	8.25	5.75	4.50	3.50	0.0	12.10	
569	030569	NGUYỄN DƯƠNG NHẬT TƯỜNG	Nam	11/12/2009	6.70	6.70	7.10	6.50	6.75	5.50	4.50	3.00	0.0	11.12	
570	030570	NGUYỄN ĐOÀN CÁT TƯỜNG	Nữ	14/02/2009	7.20	6.70	6.30	6.50	6.68	3.50	3.25	3.50	0.0	9.18	
571	030571	PHÙNG CÁC TƯỜNG	Nữ	30/12/2009	8.30	7.80	7.80	7.60	7.88	6.50	7.00	1.50	0.0	12.86	
572	030572	LƯU THỊ KIM UYÊN	Nữ	24/06/2009	7.80	8.20	7.70	6.80	7.63	2.75	5.50	5.00	0.0	11.56	
573	030573	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	Nữ	21/07/2009	7.90	8.50	8.70	8.60	8.43	5.50	6.00	8.00	0.0	16.18	
574	030574	TRẦN THỊ MỸ UYÊN	Nữ	06/12/2009	9.10	9.10	8.70	8.80	8.93	6.42	7.00	9.75	0.0	18.90	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
575	030575	VƯƠNG TRẦN NHÃ UYÊN	Nữ	04/01/2009	7.40	6.80	7.10	6.40	6.93	3.25	4.00	1.75	0.0	8.38	
576	030576	NGUYỄN LÊ VÂN	Nữ	26/12/2009	6.60	6.70	5.90	6.20	6.35	3.25	4.25	3.50	0.0	9.60	
577	030577	TRẦN TRỌNG TƯỜNG VI	Nữ	23/02/2009	8.90	8.60	8.50	9.10	8.78	6.25	6.00	8.25	0.0	16.98	
578	030578	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Nam	16/04/2009	7.90	7.70	8.10	8.10	7.95	5.50	3.25	7.75	0.0	13.93	
579	030579	PHAN QUỐC VIỆT	Nam	05/03/2009	6.60	6.50	7.50	7.10	6.93	5.75	5.00	5.50	0.0	13.45	
580	030580	LÊ CÔNG VINH	Nam	09/10/2009	7.50	7.70	7.40	6.70	7.33	2.50	6.50	4.50	0.0	11.65	
581	030581	NGUYỄN QUỐC VINH	Nam	26/02/2009	5.40	6.50	5.70	5.60	5.80	3.25	3.25	3.00	0.0	8.39	
582	030582	PHẠM PHƯƠNG VINH	Nam	23/12/2009	7.10	7.70	7.70	7.20	7.43	4.25	6.00	5.25	0.0	13.08	
583	030583	TRẦN QUANG VINH	Nam	04/08/2009	8.00	8.10	7.90	7.80	7.95	5.75	6.25	4.75	0.0	14.11	
584	030584	NGUYỄN MINH VŨ	Nam	31/08/2009	7.10	6.70	5.90	6.00	6.43	5.25	4.75	4.00	0.0	11.73	
585	030585	LÊ TRIỆU VƯƠNG	Nam	28/04/2009	8.70	8.20	8.30	8.50	8.43	6.50	7.25	8.50	0.0	18.10	
586	030586	ĐOÀN ANH VY	Nữ	23/07/2009	8.20	8.10	7.60	7.70	7.90	6.00	4.25	4.25	0.0	12.52	
587	030587	ĐOÀN NGUYỄN KIỀU VY	Nữ	01/05/2009	8.60	8.80	8.20	8.30	8.48	3.50	5.25	4.25	0.0	11.64	
588	030588	HỒ THÚY VY	Nữ	18/08/2009	9.40	9.00	8.90	8.30	8.90	3.00	6.25	6.25	0.0	13.52	
589	030589	HỒ TRIỆU VY	Nữ	18/08/2009	9.30	9.10	8.90	8.30	8.90	5.25	6.50	6.50	0.0	15.44	
590	030590	HUỲNH THỊ YẾN VY	Nữ	15/02/2009	9.20	9.00	9.30	9.20	9.18	8.25	8.00	9.00	0.0	20.43	
591	030591	LÂM HỒNG PHƯƠNG VY	Nữ	27/03/2009	9.00	8.80	8.60	8.80	8.80	6.25	8.00	8.00	0.0	18.22	
592	030592	LÊ NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	27/06/2009	7.00	7.50	7.70	7.60	7.45	4.50	4.00	5.75	0.0	12.21	
593	030593	LÊ THỊ TƯỜNG VY	Nữ	02/04/2009	7.90	8.60	8.60	8.90	8.50	7.00	4.50	7.00	0.0	15.50	
594	030594	LƯƠNG NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	29/09/2009	8.60	8.40	8.50	8.60	8.53	7.50	6.25	5.00	0.0	15.68	
595	030595	NGUYỄN LÊ VY	Nữ	12/11/2009	8.70	9.00	8.90	8.70	8.83	6.50	8.00	6.25	0.0	17.17	
596	030596	NGUYỄN NGỌC KIỀU VY	Nữ	24/04/2009	8.20	8.30	8.20	8.10	8.20	5.00	6.25	4.75	0.0	13.66	
597	030597	NGUYỄN THẢO VY	Nữ	28/09/2009	8.90	8.70	8.80	8.80	8.80	6.25	6.50	9.75	0.0	18.39	
598	030598	NGUYỄN THỊ CẨM VY	Nữ	18/10/2009	7.10	6.60	6.50	6.10	6.58	3.25	1.50	4.25	0.0	8.27	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
599	030599	NGUYỄN THỊ THẢO VY	Nữ	31/03/2009	7.70	8.10	8.20	8.10	8.03	5.25	6.50	3.00	0.0	12.73	
600	030600	NGUYỄN THỊ YẾN VY	Nữ	27/03/2009	8.30	8.20	8.10	7.80	8.10	5.75	4.50	6.50	0.0	14.16	
601	030601	TRẦN THÚY VY	Nữ	05/10/2009	7.60	8.30	8.00	7.80	7.93	6.00	5.00	3.00	0.0	12.18	
602	030602	VÕ NHẬT TƯỜNG VY	Nữ	15/09/2009	6.60	7.10	6.80	6.50	6.75	4.50	3.25	3.25	0.0	9.72	
603	030603	NGUYỄN NGÔ CHÍ VỸ	Nam	31/05/2009	8.70	9.10	8.70	8.60	8.78	6.25	8.00	4.00	0.0	15.41	
604	030604	TRẦN TRIỆU THIÊN VỸ	Nam	16/11/2009	8.90	7.70	8.50	8.60	8.43	6.50	6.00	4.75	0.0	14.60	
605	030605	TRẦN TUẤN VỸ	Nam	18/01/2009	8.00	8.30	7.80	8.00	8.03	6.25	6.00	6.50	0.0	15.53	
606	030606	TRẦN TUẤN VỸ	Nam	23/10/2009	7.00	7.50	7.30	7.30	7.28	5.50	5.50	1.75	0.0	11.11	
607	030607	LÊ THỊ KIM XUYẾN	Nữ	09/10/2009	8.00	6.90	7.60	7.00	7.38	5.25	3.50	4.25	0.0	11.31	
608	030608	ĐẶNG NGUYỄN NHƯ Ý	Nữ	21/07/2009	7.50	6.50	6.80	6.30	6.78	2.75	4.00	3.00	0.0	8.86	
609	030609	ĐOÀN THỊ NHƯ Ý	Nữ	13/06/2009	8.00	8.50	8.30	8.00	8.20	6.25	6.00	3.50	0.0	13.48	
610	030610	ĐỖ NHƯ Ý	Nữ	13/02/2009	7.70	7.40	7.60	7.00	7.43	5.50	4.75	4.25	0.0	12.38	
611	030611	LÊ NGỌC NHƯ Ý	Nữ	17/11/2009	8.90	9.20	8.80	8.70	8.90	5.00	6.00	6.00	0.0	14.57	
612	030612	LÊ QUỲNH NHƯ Ý	Nữ	22/02/2009	6.40	6.40	7.00	7.40	6.80	4.00	4.50	5.25	0.0	11.67	
613	030613	NGUYỄN PHƯƠNG NHƯ Ý	Nữ	15/05/2009	8.60	8.80	8.00	7.10	8.13	4.50	5.75	3.50	0.0	12.06	
614	030614	PHÙNG NHƯ Ý	Nữ	30/12/2009	8.00	7.80	7.80	7.70	7.83	5.75	5.75	1.00	0.0	11.10	
615	030615	ĐÀO LƯU KIM YẾN	Nữ	13/05/2009	8.90	8.90	8.70	9.10	8.90	4.50	6.25	5.00	0.0	13.69	
616	030616	LÊ THỊ HOÀNG YẾN	Nữ	04/05/2009	8.40	8.90	8.30	8.20	8.45	5.25	5.75	5.00	0.0	13.73	
617	030617	NGUYỄN TRƯƠNG HẢI YẾN	Nữ	31/01/2009	8.90	8.70	8.70	8.70	8.75	6.25	6.00	5.25	0.0	14.88	
618	030618	TRẦN PHI YẾN	Nữ	24/11/2009	7.70	8.40	8.20	7.70	8.00	6.00	4.75	3.50	0.0	12.38	
619	030619	TRẦN THỊ BẠCH YẾN	Nữ	05/09/2009	7.30	7.30	6.90	7.80	7.33	8.00	5.00	5.25	0.0	14.97	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			

Tây Ninh, ngày 15 tháng 6 năm 2024

Cán bộ in

Vũ Thái

Cán bộ soát điểm

Võ Thùy Trang

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Nguyễn Văn Phước

(Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)